

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT  
(6 tháng đầu năm 2025)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tên công ty: Công ty cổ phần SJ Group (SJ GROUP).
- Địa chỉ trụ sở chính: Ô đất TT2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37684504/7684505/7684506
- Email: info@sjgroups.vn
- Vốn Điều lệ: 1.148.555.400.000 đồng (Một nghìn một trăm bốn mươi tám tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).
- Mã chứng khoán: SJS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông.**

Thực hiện theo quy định 06 tháng đầu năm 2025, Công ty cổ phần SJ Group (SJ GROUP) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 vào ngày 28/3/2025. Đại hội đã thông qua 02 Nghị quyết với các nội dung như sau:

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ2025: thông qua các nội dung:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Kết quả SXKD năm 2024; Kế hoạch SXKD năm 2025;
- Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
- Báo cáo quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2024 và Phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2025;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ2025: thông qua các nội dung:



- Phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024.
- Phương án điều chỉnh, bổ sung phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (thay thế phương án phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

### **Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025**

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày      | Nội dung                         |
|-----|--------------------------|-----------|----------------------------------|
| 1   | 01/NQ-ĐHĐCĐ2025          | 28/3/2025 | Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 |
| 2   | 02/NQ-ĐHĐCĐ2025          | 28/3/2025 | Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 |

## **II. Hội đồng quản trị (HĐQT).**

### **1. Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị:**

| STT | Thành viên HĐQT         | Chức vụ                 | Ngày bắt đầu / không còn là Thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|---------|
|     |                         |                         | Ngày bổ nhiệm                                            | Ngày miễn nhiệm |         |
| 1   | (Ông) Bùi Quang Bách    | Chủ tịch                | 16/3/2023                                                |                 |         |
| 2   | (Ông) Trần Như Trung    | Thành viên              | 28/3/2025                                                |                 |         |
| 3   | (Bà) Đỗ Lê Minh         | Thành viên HĐQT độc lập | 28/3/2025                                                |                 |         |
| 4   | (Ông) Phương Xuân Thụy  | Thành viên HĐQT độc lập | 16/3/2023                                                |                 |         |
| 5   | (Ông) Nguyễn Việt Cường | Thành viên              | 28/3/2025                                                |                 |         |

### **2. Các cuộc họp HĐQT:**

Trong 06 tháng đầu năm, ngoài phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị tổ chức 13 phiên họp để giải quyết công việc, theo đó tỷ lệ tham dự của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

| STT | Thành viên HĐQT         | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự          |
|-----|-------------------------|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| 1   | (Ông) Bùi Quang Bách    | 13/13                    | 100%              |                              |
| 2   | (Ông) Trần Như Trung    | 12/13                    | 92%               | Là TV HĐQT từ ngày 28/3/2025 |
| 3   | (Bà) Đỗ Lê Minh         | 12/13                    | 92%               | Là TV HĐQT từ ngày 28/3/2025 |
| 4   | (Ông) Phương Xuân Thụy  | 13/13                    | 100%              |                              |
| 5   | (Ông) Nguyễn Việt Cường | 12/13                    | 92%               | Là TV HĐQT từ ngày 28/3/2025 |
| 6   | (Ông) Đỗ Văn Bình       | 1/13                     | 7,7%              | Hết nhiệm kỳ                 |

|   |                        |      |      |              |
|---|------------------------|------|------|--------------|
| 7 | (Ông) Nguyễn Phú Cường | 1/13 | 7,7% | Hết nhiệm kỳ |
| 8 | (Bà) Chu Thị Thu Hương | 1/13 | 7,7% | Hết nhiệm kỳ |

Ngoài các phiên họp của Hội đồng quản trị, để giải quyết các công việc cần có ý kiến của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành, Hội đồng quản trị đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên bằng văn bản, các hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức các cuộc họp, hội ý để trao đổi và thống nhất chỉ đạo đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo, giám sát việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc triển khai Kế hoạch kinh doanh, tiến độ thực hiện đầu tư, hoàn thiện hạng mục đầu tư với từng dự án do Công ty làm chủ đầu tư; Giám sát việc triển khai kinh doanh sản phẩm hàng hóa của Công ty.
- Giám sát việc quản trị rủi ro liên quan hoạt động đầu tư, triển khai, phát triển dự án bất động sản, đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động của Công ty cũng như uy tín giữa Công ty với các nhà đầu tư, các định chế tài chính.
- Giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước, điều kiện môi trường làm việc, việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và các chế độ khác với người lao động.
- Thực hiện các giám sát khác theo quy định pháp luật.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị Ban Tổng giám đốc tập trung triển khai, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nhiệm vụ được giao đúng quy định.

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

(Đến ngày lập Báo cáo - SJ GROUP chưa thành lập tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị).

### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

(Phụ lục II. 1 - Bảng kê chi tiết Nghị quyết/Quyết định đính kèm).

## III. Ban kiểm soát (BKS).

### 1. Thông tin về Thành viên Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS            | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn       |
|-----|---------------------------|------------|------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | (Bà) Lê Thị Thùy          | Trưởng BKS | 16/6/2022                                | Th.S chuyên ngành Kế toán |
| 2   | (Bà) Trần Thị Thanh Huyền | TV BKS     | 16/6/2022                                | Th.S chuyên ngành Kế toán |
| 3   | (Bà) Nguyễn Thu Hiền      | TV BKS     | 28/3/2025                                | Cử nhân kế toán           |

### 2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS            | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham gia dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | (Bà) Lê Thị Thùy          | 2/2                     | 100%                  |                  |                         |
| 2   | (Bà) Trần Thị Thanh Huyền | 2/2                     | 100%                  |                  |                         |
| 3   | (Bà) Nguyễn Thu Hiền      | 2/2                     | 100%                  |                  |                         |
| 4   | (Ông) Nguyễn Minh Thắng   | 0/2                     |                       |                  | Hết nhiệm kỳ            |

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hoạt động SXKD của công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

- Giám sát việc thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành của Tổng giám đốc, Báo cáo tình hình kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2024, Báo cáo kiểm toán và kế hoạch kiểm toán độc lập của đơn vị kiểm toán.
- Giám sát và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị thông báo, đồng thời kiến nghị với Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc huy động vốn, sử dụng vốn, cân đối vốn và quản lý dòng tiền; phân phối lợi nhuận.
- Giám sát tình hình tái cấu trúc của công ty.

Kết quả hoạt động giám sát và kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát gửi tới Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đều được xem xét, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị liên quan nghiên cứu, thực hiện.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc luôn hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phản hồi đầy đủ, kịp thời.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: (Không có)



#### IV. Ban điều hành.

| STT | Thành viên<br>Ban điều hành | Ngày tháng<br>năm sinh | Trình độ chuyên môn                                                        | Ngày bổ<br>nhiệm/miễn nhiệm<br>thành viên Ban<br>điều hành |
|-----|-----------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | (Ông) Trần Như Trung        | 10/7/1971              | Th.S Khoa học<br>Địa chính tin học                                         | Bổ nhiệm ngày<br>13/10/2023                                |
| 2   | (Ông) Trần Oanh             | 03/7/1977              | Th.S Kiến trúc                                                             | Bổ nhiệm ngày<br>09/01/2023                                |
| 3   | (Ông) Nguyễn Việt Cường     | 16/11/1977             | Kỹ sư xây dựng<br>Th.S Quản trị kinh doanh                                 | Bổ nhiệm ngày<br>14/6/2024                                 |
| 4   | (Ông) Nguyễn Trần Dũng      | 26/8/1971              | Kỹ sư xây dựng                                                             | Bổ nhiệm ngày<br>16/11/2018                                |
| 5   | (Ông) Nguyễn Công Chính     | 12/6/1979              | Kỹ sư xây dựng                                                             | Bổ nhiệm ngày<br>16/11/2018                                |
| 6   | (Ông) Nguyễn Hải Ninh       | 17/10/1973             | Th.S Kế toán - Tài chính<br>Cử nhân Kế toán-Tài chính<br>Cử nhân Ngoại ngữ | Bổ nhiệm ngày<br>12/6/2023                                 |

#### V. Kế toán trưởng.

| Họ và tên            | Ngày tháng<br>năm sinh | Trình độ<br>chuyên môn nghiệp vụ             | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------------------|----------------------------------------------|---------------|
| (Ông) Trần Việt Dũng | 20/10/1981             | Th.S Quản trị kinh doanh;<br>Cử nhân kinh tế | 02/11/2012    |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty.

Tổ chức đào tạo chuyên sâu về quản trị công ty đối với các quản lý cấp trung; tổ chức đào tạo về phần mềm số hóa quản trị Công ty, đánh giá KPI.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty.

- Danh sách về người có liên quan của công ty (*Phụ lục VII.1 đính kèm*).
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (*Phụ lục VII.2 đính kèm*).
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan với người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát (*Phụ lục VII.3 đính kèm*).
- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có phát sinh.

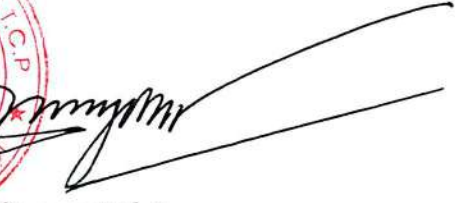
#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

- Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (*Phụ lục VIII.1 đính kèm*).
- Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty (*Phụ lục VIII.2 đính kèm*).

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS Cty;
- Ban TC-KT;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <sup>W2</sup>  
CHỦ TỊCH  
  
  
Bùi Quang Bách

**Phụ lục II.1 - CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 01/NQ-CT-HĐQT                | 06/01/2025 | Phương án kinh doanh 12 căn TT77 Khu nhà ở thấp tầng khu vực 2 - Giai đoạn II Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                                         | 100%               |
| 2   | 02/NQ-CT-HĐQT                | 15/01/2025 | Phê duyệt giá trị dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Hoàn thiện HTKT phần còn lại chưa thi công giai đoạn I tại khu vực nghĩa trang thôn Vân lũng - Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ KĐT Nam An Khánh | 100%               |
| 3   | 03/NQ-CT-HĐQT                | 15/01/2025 | Phê duyệt dự toán và chi phí và kế hoạch triển khai thực hiện hạ tầng kỹ thuật phân khu Vista Lago - Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                        | 100%               |
| 4   | 04/NQ-CT-HĐQT                | 22/01/2025 | Điều chỉnh giá Lợi ích góp vốn tại Hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh số 01/HĐGV-SJS-TX với SJ Tiến Xuân                                                                                                               | 100%               |
| 5   | 05/NQ-CT-HĐQT                | 22/01/2025 | Phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch tiếp tục thực hiện hạng mục: Cây xanh giao thông Giai đoạn I (phần khối lượng còn vướng mặt bằng), Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ Khu đô thị Nam An Khánh               | 100%               |
| 6   | 06/NQ-CT-HĐQT                | 22/01/2025 | Phương án chi lương tháng 13 năm 2024                                                                                                                                                                                   | 100%               |
| 7   | 07/QĐ-CT-HĐQT                | 22/01/2025 | Phương án triển khai giải pháp số hóa vận hành SJ Digital Workspace                                                                                                                                                     | 100%               |
| 8   | 08/NQ-CT-HĐQT                | 24/01/2025 | Hỗ trợ kinh phí các ngành, đoàn thể tại địa phương phục vụ công tác tuyên truyền vận động GPMB dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và Nam An Khánh mở rộng (Quý I năm 2025)                                               | 100%               |
| 9   | 09/NQ-CT-HĐQT                | 25/01/2025 | Phương án Xử lý các mặt bằng thuê không tranh chấp đã hết hạn và trống tại tầng 1 các chung cư CT1 cao tầng, CT4, CT5 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì                                                                       | 100%               |
| 10  | 10/NQ-CT-HĐQT                | 25/01/2025 | Chấp thuận chủ trương và kế hoạch triển khai sự kiện Tầm nhìn Xanh 2025                                                                                                                                                 | 100%               |
| 11  | 11/NQ-CT-HĐQT                | 10/02/2025 | Thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025 và thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025                                                                                                     | 100%               |



| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 12  | 12/NQ-CT-HĐQT                | 21/02/2025 | Điều chỉnh nội dung, chi phí và kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng số 27-2023/HĐTV ngày 11/12/2023 với Công ty CP Kiến trúc HighEnd                                                                                            | 100%               |
| 13  | 13/NQ-CT-HĐQT                | 21/02/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện Thiết kế ý tưởng điều chỉnh kiến trúc mẫu nhà thấp tầng Giai đoạn I và Giai đoạn II khu Casa MiLa - Khu đô thị Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội                                | 100%               |
| 14  | 14/NQ -CT-HĐQT               | 27/02/2025 | Phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong                                                                                                                                                                                    | 100%               |
| 15  | 15/NQ-CT-HĐQT                | 06/03/2025 | Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty                                                                                                                                                                                        | 100%               |
| 16  | 01/QĐ-CT-HĐQT                | 06/03/2025 | Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty                                                                                                                                                                                        | 100%               |
| 17  | 16/NQ-CT-HĐQT                | 06/03/2025 | Bổ nhiệm cán Bộ                                                                                                                                                                                                                    | 100%               |
| 18  | 02/QĐ-CT-HĐQT                | 06/03/2025 | Bổ nhiệm cán Bộ                                                                                                                                                                                                                    | 100%               |
| 19  | 17/NQ-CT-HĐQT                | 06/03/2025 | Điều chỉnh nội dung, chi phí và kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng số 01-2024/HĐTV ngày 02/01/2024; hợp đồng số 27-2020/HĐTV ký ngày 06/11/2020 với Công ty cổ phần kiến trúc Phong cảnh Việt Nam (EDEN)                       | 100%               |
| 20  | 18/NQ-CT-HĐQT                | 06/03/2025 | Phê duyệt thời gian, địa điểm và tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Công ty SJ Group                                                                                                                                      | 100%               |
| 21  | 19/NQ-CT-HĐQT                | 17/03/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện Thiết kế ý tưởng kiến trúc, Thiết kế bản vẽ thi công cải tạo, sửa chữa mặt đứng kiến trúc công trình và cải tạo chỉnh trang nội thất trung tâm VICC tại khu vực CT6 - Dự án KĐT Nam An Khánh | 100%               |
| 22  | 20/NQ-CT-HĐQT                | 17/03/2025 | Phương án cho thuê mặt bằng Kios 10A chung cư CT4 Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội                                                                                                                  | 100%               |
| 23  | 21/NQ-CT-HĐQT                | 25/03/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán hạ tầng kỹ thuật và cây xanh, cảnh quan các tuyến phụ cận khu nhà ở thấp tầng KV2 - GĐ2 (khu Casamila) và tuyến chính - Dự án KĐT Nam An Khánh       | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 24  | 22/NQ-CT-HĐQT                | 25/03/2025 | Phê duyệt dự toán chi phí và đơn vị thực hiện khắc phục các tổng tại lưới điện trước khi triển khai công tác bàn giao tài sản công trình điện, Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ KĐT Nam An Khánh                      | 100%               |
| 25  | 23/NQ-CT-HĐQT                | 27/03/2025 | Thông qua Báo cáo thường niên 2024                                                                                                                                                                                         | 100%               |
| 26  | 01/NQ-<br>ĐHĐCĐ2025          | 28/03/2025 | Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, ngày 28 tháng 03 năm 2025                                                                                                                                                 | 100%               |
| 27  | 02/NQ-<br>ĐHĐCĐ2025          | 28/03/2025 | Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, ngày 28 tháng 03 năm 2025                                                                                                                                                 | 100%               |
| 28  | 01/NQ-CT-HĐQT                | 03/04/2025 | Phiên họp đầu tiên nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 03 tháng 4 năm 2025                                                                                                                                                          | 100%               |
| 29  | 06/QĐ-CT-HĐQT                | 03/04/2025 | Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty                                                                                                                                                                                     | 100%               |
| 30  | 25/NQ-CT-HĐQT                | 03/04/2025 | Cho thôi giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc, bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc, bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty, ngày 03 tháng 4 năm 2025                                                                             | 100%               |
| 31  | 07/QĐ-CT-HĐQT                | 03/04/2025 | Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty                                                                                                                                                                                         | 100%               |
| 32  | 08/QĐ-CT-HĐQT                | 03/04/2025 | Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty                                                                                                                                                                                             | 100%               |
| 33  | 26/NQ-CT-HĐQT                | 09/04/2025 | Phê duyệt phương án, dự toán chi phí, kế hoạch và đơn vị thực hiện hạng mục: Chinh trang mặt bằng, trồng cây xanh tuyến đường tạm A2 dọc kênh Đan Hoài - Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh                                 | 100%               |
| 34  | 27/NQ-CT-HĐQT                | 09/04/2025 | Phê duyệt chi phí, đơn vị thực hiện công tác Thết kế và Thi công hệ thống PCCC, công trình tạm Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh                               | 100%               |
| 35  | 28/NQ-CT-HĐQT                | 11/04/2025 | Chấp thuận đề xuất tên gọi mới và câu chuyện thương hiệu phân khu Casamila                                                                                                                                                 | 100%               |
| 36  | 29/NQ-CT-HĐQT                | 16/04/2025 | Hỗ trợ kinh phí cho địa phương phục vụ công tác tuyên truyền vận động GPMB dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và Nam An Khánh mở rộng phía Nam (Khu B) năm 2025                                                             | 100%               |
| 37  | 30/NQ-CT-HĐQT                | 17/04/2025 | Chấm dứt hợp đồng số 27-2023/HĐTV và phê duyệt chi phí, đơn vị mới thực hiện Thiết kế ý tưởng kiến trúc; thiết kế bản vẽ thi công công trình tạm tại ô đất quy hoạch ký hiệu CCDV1 thuộc dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 38  | 31/NQ-CT-HĐQT                | 17/04/2025 | Phê duyệt chương trình Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe năm 2025                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%               |
| 39  | 32/NQ-SJG-HĐQT               | 25/04/2025 | Phê duyệt chi phí, đơn vị thực hiện công tác phá dỡ, gia cố kết cấu chịu lực Tòa B công trình tạm Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 - Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                                                               | 100%               |
| 40  | 33/NQ-SJG-HĐQT               | 25/04/2025 | Phê duyệt dự toán chi phí và đơn vị thực hiện công việc: San gạt mặt bằng, cắt tỉa, chôn dựng cây xanh, vệ sinh sân vườn khu vực ô đất CT6, CT5, TT46, CX-TT95, Tuyến B11 thuộc Hạng mục cải tạo, chỉnh trang Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh             | 100%               |
| 41  | 34/NQ-SJG-HĐQT               | 07/05/2025 | Phân luồng giao thông phục vụ thi công nút giao vành đai 3.5 với Đại lộ Thăng Long liên quan đến hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                                                                                                                   | 100%               |
| 42  | 35/NQ-SJG-HĐQT               | 10/05/2025 | Chấp thuận tiếp tục triển khai các hạng mục Thi công lắp dựng lan can hồ lớn từ nút A đến nút B (Hợp đồng số 19-2023/HĐXD) và Thi công HTKT giai đoạn I phần còn lại (Hợp đồng số 12-2023/HĐXD)                                                                                                                                 | 100%               |
| 43  | 36/NQ-SJG-HĐQT               | 12/05/2025 | Phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100%               |
| 44  | 37/NQ-SJG-HĐQT               | 13/05/2025 | Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, đoàn thể của huyện Hoài Đức và các thôn thuộc UBND xã An Khánh, An Thượng tổ chức đi thăm quan học tập mô hình phát triển kinh tế tại một số địa phương phục vụ công tác GPMB dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh và Nam An Khánh mở rộng năm 2025                                               | 100%               |
| 45  | 38/NQ-SJG-HĐQT               | 13/05/2025 | Phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện thi công hạng mục Cải tạo, sửa chữa mặt đứng kiến trúc công trình, cải tạo chỉnh trang nội thất Tòa nhà B Công trình Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6-KĐT mới Nam An Khánh                                                                                     | 100%               |
| 45  | 39/NQ-SJG-HĐQT               | 15/05/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện gói thầu Thực hiện gói thầu Thiết kế BVTC và lập dự toán chi tiết hạng mục xây thô và hoàn thiện mặt ngoài, nhà cổng hàng rào 64 căn nhà ở thấp tầng (gồm 21 căn ô TT27, 27A và 43 căn ô TT2, TT83, TT25, TT30, TT31) Dự án Khu nhà ở thấp tầng Giai đoạn I - Khu đô thị mới Nam An Khánh | 100%               |
| 46  | 40/NQ-SJG-HĐQT               | 15/05/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh dự án khu nhà ở thấp tầng khu vực 2 - Giai đoạn II - Dự án khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                                                                                                          | 100%               |

W

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 47  | 41/NQ-SJG-HĐQT               | 16/05/2025 | Phê duyệt phương án, dự toán chi phí và đơn vị thực hiện hạng mục: Tháo dỡ, di chuyển hàng rào tôn khu vực Vista Serena, lắp dựng hàng rào tôn, cổng quanh các ô đất TT2, TT83, TT25, TT26, TT31; Gia công, lắp dựng hàng rào che chắn nghĩa tra Yên Lũng Dự án KĐT mới Nam An Khánh | 100%               |
| 48  | 42/NQ-SJG-HĐQT               | 19/05/2025 | Phê duyệt phương án, dự toán chi phí và dự toán và đơn vị thực hiện công việc: Cung cấp, trồng, chăm sóc và duy trì cây xanh - văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án KĐT mới Nam An Khánh                                                        | 100%               |
| 49  | 43/NQ-SJG-HĐQT               | 22/05/2025 | Chỉ định người đại diện pháp luật làm Người đại diện hợp pháp để đại diện và thay mặt Công ty thực hiện hợp pháp để đại diện và thay mặt Công ty thực hiện các quyền và Nghĩa vụ của Công ty với các Ngân hàng, Công ty chứng khoán                                                  | 100%               |
| 51  | 44/NQ-SJG-HĐQT               | 27/05/2025 | Phê duyệt chi phí bổ sung, phát sinh Hợp đồng 02-2023/HĐTV-XD ngày 09/03/2023, gói thầu Thiết kế và thi công di chuyển hạ ngầm đường điện 110kV đoạn đi qua Dự án Khu nhà ở Văn La                                                                                                   | 100%               |
| 52  | 45/NQ-SJG-HĐQT               | 28/05/2025 | Phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%               |
| 53  | 46/NQ-SJG-HĐQT               | 02/06/2025 | Phê duyệt dự toán và đơn vị thi công hạng mục: Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án KĐT mới Nam An Khánh                                                                                           | 100%               |
| 54  | 47/NQ-SJG-HĐQT               | 05/06/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị cung cấp, lắp đặt thiết bị nội thất rời (bàn, ghế hội nghị) Tòa B - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Dự án KĐT mới Nam An khánh                                                                                       | 100%               |
| 55  | 48/NQ-SJG-HĐQT               | 06/06/2025 | Phê duyệt dự toán và đơn vị thi công hạng mục Cổng và biểu tượng kiến trúc - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) - KĐT mới Nam An Khánh                                                                                                               | 100%               |
| 56  | 49/NQ-SJG-HĐQT               | 10/06/2025 | Phê duyệt chi phí , đơn vị thực hiện gói thầu: Thiết kế, thi công lắp đặt sa bàn Khu đô thị mới Nam An Khánh và Mô hình mẫu nhà phân khu Vista Serena trưng bày tại VICC - Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                               | 100%               |
| 57  | 50/NQ-SJG-HĐQT               | 11/06/2025 | Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần nguồn vốn chủ sở hữu                                                                                                                                                                                           | 100%               |
| 58  | 52/NQ-SJG-HĐQT               | 16/06/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện hạng mục: Gia công sản xuất và lắp đặt Biểu tượng đài phun nước (bể tròn) - Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) -Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                    | 100%               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 59  | 53/NQ-SJG-HĐQT               | 17/06/2025 | Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần thường niên 2025 của Công ty Đầu tư VINARE                                                                                                                                                                                         | 100%               |
| 60  | 54/NQ-SJG-HĐQT               | 18/06/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị thực hiện công tác Truyền thông (giai đoạn 1) Dự án khu nhà ở thấp tầng Khu vực 2 – giai đoạn II (phân khu Vista Serena), Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                                                                       | 100%               |
| 61  | 55/NQ-SJG-HĐQT               | 18/06/2025 | Phê duyệt Dự toán và đơn vị thực hiện hạng mục: Cải tạo, sửa chữa sân vườn ngoài nhà, đài phun nước (phần xây dựng) và một số công việc khác – Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC), Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                          | 100%               |
| 62  | 56/NQ-SJG-HĐQT               | 19/06/2025 | Sửa đổi và bổ sung Phục lục Hợp đồng số 04/2024/HĐ-ĐTDA ký ngày 05/4/2024 giữa Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình (Bên A) và Nhà đầu tư Liên danh (Bên B) Công ty cổ phần SJ Group (Tên cũ: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà) với Công ty cổ phần SUDICO Hòa Bình                             | 100%               |
| 63  | 57/NQ-SJG-HĐQT               | 21/06/2025 | Phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện gói thầu: Thi công phần xây dựng, chiếu sáng ô CX26-CX9 và CX64-CX65 phân khu Vista Sarena (bao gồm cổng, chốt gác), Dự án ĐTXD và kinh doanh HTKT đồng bộ Khu đô thị mới Nam An Khánh                                                                                            | 100%               |
| 64  | 58/NQ-SJG-HĐQT               | 23/06/2025 | Bổ nhiệm Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật tại Công ty cổ phần SUDICO Hòa Bình                                                                                                                                                                                                                                    | 100%               |
| 65  | 59/NQ-SJG-HĐQT               | 26/06/2025 | Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt                                                                                                                                                                                                                | 100%               |
| 66  | 60/NQ-SJG-HĐQT               | 26/06/2025 | Thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị HUDSE                                                                                                                                                                                              | 100%               |
| 67  | 61/NQ-SJG-HĐQT               | 26/06/2025 | Thực hiện công tác bàn giao hạng mục cấp điện trung thế, hạ thế và 12 trạm biến áp - Dự án Khu đô thị Nam An Khánh                                                                                                                                                                                                      | 100%               |
| 68  | 62/NQ-SJG-HĐQT               | 28/06/2025 | Phê duyệt dự toán, kế hoạch và đơn vị thực hiện gói thầu: Thi công, chỉnh trang các hạng mục phục vụ kinh doanh bán hàng (bao gồm: Ốp gỗ mặt bậc bê tông, rải sỏi massage chân ô đất CCDV9; Chỉnh trang Tuyến A5 thuộc Khu vực 4 - Giai đoạn II; Chiếu sáng tăng cường cảnh quan ô đất HH5), Dự án KĐT mới Nam An Khánh | 100%               |

W2

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                       | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 69  | 63/NQ-SJG-HĐQT               | 28/06/2025 | Phê duyệt chi phí và đơn vị cung cấp, lắp đặt 02 màn hình Led P2.5 cho Phòng trưng bày và Phòng hội nghị của Tòa nhà B – Văng phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) thuộc Khu đô thị mới Nam An Khánh | 100%               |
| 70  | 64/NQ-SJG-HĐQT               | 28/06/2025 | Phê duyệt Dự toán và đơn vị Cung cấp, lắp đặt hệ thống vòi phun và điện chiếu sáng đài phun nước – Văn phòng bán hàng và điều hành dự án tại ô đất ký hiệu CT6 (VICC) – Khu đô thị mới Nam An Khánh                            | 100%               |
| 71  | 65/NQ-SJG-HĐQT               | 28/06/2025 | Phê duyệt chi phí và kế hoạch thực hiện công tác sản xuất phim giới thiệu về Công ty CP SJ Group                                                                                                                               | 100%               |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |
|     |                              |            |                                                                                                                                                                                                                                |                    |

W2

## DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách về người có liên quan của Công ty/The list of affiliated persons of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                               | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| I           | Hội đồng quản trị                                   |                                                                              |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                                                                               |                                                                                    |                                                                      |              |                                                             |
| 1           | Bùi Quang Bách                                      |                                                                              | Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board         | 001076004038                                                    | 19/04/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      | ĐHĐCĐ bầu    |                                                             |
| 1.1         | Bùi Viết Quỳnh                                      |                                                                              |                                             | 025046000122                                                    | 19/04/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 1.2         | Nguyễn Thị Mẫn                                      |                                                                              |                                             | 035147001416                                                    | 08/04/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 1.3         | Nguyễn Thị Thu Hà                                   |                                                                              |                                             | 001176030312                                                    | 16/04/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Vợ                                                          |
| 1.4         | Bùi Hà Chi                                          |                                                                              |                                             | 001305019702                                                    | 19/04/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Con gái                                                     |
| 1.5         | Bùi Hoàng Nam                                       |                                                                              |                                             | 001208066668                                                    | 10/04/2022                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Con trai                                                    |
| 1.6         | Bùi Quỳnh Vân                                       |                                                                              |                                             | 001180004383                                                    | 10/05/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội                   | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Em gái                                                      |
| 1.7         | Trương Ngọc Minh                                    |                                                                              |                                             | 001080030414                                                    | 16/04/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội                   | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Em rể                                                       |
| 1.8         | Nguyễn Thế Phong                                    |                                                                              |                                             | 033049000479                                                    | 10/02/2023                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 3, Tổ 6, phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội                                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Bố vợ                                                       |
| 1.9         | Nguyễn Thị Mỹ                                       |                                                                              |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                                                                               |                                                                                    |                                                                      |              | Mẹ vợ (đã mất)                                              |
| 1.10        | CTCP Chứng khoán Quốc gia                           |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        | Giấy phép HKĐD số 27/UBCK-GPHĐKD                                | 15/12/2006                                                                | UBCKNN                                                                         | Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |

| STT<br>/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNDKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNDKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNDKDN | Địa chỉ/Address                                                                  | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|--------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1.11               | CTCP SAM Holdings                                         |                                                                                                   | TV<br>HDQT/Board<br>Member                           | ĐKKD số<br>3600253537                                                       | 30/03/1998                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>TPHCM                                                                                   | 127 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình<br>Thạnh, TPHCM                          | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | TV HĐQT độc<br>lập, Kiểm TV<br>UBKTNB                                   |
| 1.12               | CTCP Bất động sản<br>Capella                              |                                                                                                   | TV<br>HDQT/Board<br>Member                           | 0106840552                                                                  | 06/05/2015                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội                                                                                  | Tầng 6, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu<br>Văn An, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | TV HĐQT                                                                 |
| 1.13               | CTCP TASCO                                                |                                                                                                   | TV<br>HDQT/Board<br>Member                           | 600264117                                                                   | 26/12/2007                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>Hà Nội                                                                                  | Tòa nhà Tasco, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà<br>Nội                                 | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | TV HĐQT                                                                 |
| 2                  | Phương Xuân Thụy                                          | 052C123363                                                                                        | TV<br>HDQT/Board<br>Member                           | 027077000245                                                                | 31/03/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  | DHĐCD bầu    |                                                                         |
| 2.1                | Phương Xuân Thịnh                                         |                                                                                                   |                                                      | 012837464                                                                   |                                                                                             | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Bố đẻ                                                                   |
| 2.2                | Nguyễn Thị Lan                                            |                                                                                                   |                                                      | 027049000080                                                                | 26/10/2016                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ đẻ                                                                   |
| 2.3                | Phương Thừa Vũ                                            |                                                                                                   |                                                      | 012425915                                                                   | 16/04/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Anh ruột                                                                |
| 2.4                | Phương Quốc Vĩnh                                          |                                                                                                   |                                                      | 012476196                                                                   | 09/01/2007                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Anh ruột                                                                |
| 2.5                | Lê Thị Như Mai                                            |                                                                                                   |                                                      | 125006204                                                                   | 30/06/2015                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Chị dâu                                                                 |
| 2.6                | Phương Minh Huệ                                           |                                                                                                   |                                                      | 012400442                                                                   | 12/03/2012                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Chị ruột                                                                |
| 2.7                | Nguyễn Bá Cảnh                                            |                                                                                                   |                                                      | 012476173                                                                   | 24/09/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Anh rể                                                                  |
| 2.8                | Đỗ Thị Ngọc Hà                                            |                                                                                                   |                                                      | 024177001233                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Vợ                                                                      |
| 2.9                | Phương Minh Thái                                          |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Con đẻ                                                                  |
| 2.10               | Phương Đỗ Thái Dương                                      |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                            | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Con đẻ                                                                  |
| 2.11               | Đỗ Ngọc Dũng                                              |                                                                                                   |                                                      | 125494505                                                                   | 16/12/2008                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | Kim Động, TT Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh                                           | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Bố vợ                                                                   |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN DKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCN DKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCN DKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NDKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCN DKDN | Địa chỉ/Address                                                                             | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 2.12        | Phạm Thị Huệ                                        |                                                                              |                                             | 125476512                                                        | 10/04/2009                                                                 | CA Bắc Ninh                                                                     | Kim Động, TT Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh                                                      | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Mẹ vợ                                                       |
| 2.13        | Công ty CP Đầu tư Infinity Group                    |                                                                              | Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board         | 0107645709                                                       | 25/11/2016                                                                 | Sở KH&ĐT Hà Nội                                                                 | Tầng 6 toà nhà Samsora Premier số 105 đường Chu Văn An, phường Yết Kiêu, Hà Đông, TP Hà Nội | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD                                      |
| 2.14        | CTCP SACOM Tuyền Lâm                                |                                                                              | Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board         | 5800855363                                                       | 13/07/2016                                                                 | Sở KH&ĐT Lâm Đồng                                                               | Khu chức năng số 7 và 8, khu DL Hồ Tuyền Lâm, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng            | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Chủ tịch HĐQT                                               |
| 2.15        | CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ                        |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        | 0301074118                                                       | 21/07/2006                                                                 | Sở KH&ĐT TPHCM                                                                  | 15 đường số 2, Cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP Hồ Chí Minh                             | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |
| 2.16        | CTCP SAM Holdings                                   |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        | 3600253537                                                       | 30/03/1998                                                                 | Sở KH&ĐT TPHCM                                                                  | 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh                               | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Phó Chủ tịch HĐQT                                           |
| 2.17        | CTCP Công viên nước Đầm Sen                         |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        | 4103001384                                                       | 13/02/2003                                                                 | Sở KH&ĐT TPHCM                                                                  | 03 Hoà Bình, Phường 3, Quận 11, TP.HCM                                                      | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |
| 3           | Đỗ Lê Minh                                          |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        | 001186009285                                                     | 06/03/2023                                                                 | Cục cảnh sát                                                                    | 72D, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                       | 28/3/2025                                                                          |                                                                      | DHDCD bầu    |                                                             |
| 3.1         | Đỗ Văn Bích                                         |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                            |                                                                                 |                                                                                             |                                                                                    |                                                                      |              | Bồ dẻ (dã mất)                                              |
| 3.2         | Lê Thị Lan                                          |                                                                              |                                             | 001155033183                                                     | 24/06/2021                                                                 | Cục cảnh sát                                                                    | 72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                        | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 3.3         | Phương Hữu Việt                                     |                                                                              |                                             | 027064000264                                                     | 31/12/2024                                                                 | Cục cảnh sát                                                                    | 72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                        | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Chồng                                                       |
| 3.4         | Phương Hồng Minh                                    |                                                                              |                                             | 001306036733                                                     | 04/06/2023                                                                 | Cục cảnh sát                                                                    | 72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                        | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 3.5         | Phương Quốc Bình                                    |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                            |                                                                                 |                                                                                             | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 3.6         | Phương Việt Linh                                    |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                            |                                                                                 |                                                                                             | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company                                             | Số giấy CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                            | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 3.7         | Đỗ Minh Ngọc                                        |                                                                              |                                                                                         | 001180021979                                                   | 10/10/2024                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | Số 49 ngõ 193 Trung Kính, Tổ 32 Yên Hòa, Cầu Giấy                          | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Chị ruột                                                    |
| 3.8         | Phượng Xuân Hòa                                     |                                                                              |                                                                                         |                                                                |                                                                          |                                                                               |                                                                            |                                                                                    |                                                                      |              | Bố chồng (đã mất)                                           |
| 3.9         | Lương Thị Bền                                       |                                                                              |                                                                                         |                                                                |                                                                          |                                                                               |                                                                            |                                                                                    |                                                                      |              | Mẹ chồng (đã mất)                                           |
| 4           | Trần Như Trung                                      |                                                                              | TV, HĐQT kiêm TGD Công ty/Board Member and concurrently General Director of the Company | 004071006732                                                   | 02/05/2021                                                               | Cục Cảnh sát                                                                  | P207, G6, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 28/03/2025                                                                         |                                                                      | ĐHDCD bầu    |                                                             |
| 4.1         | Trần Đình Viện                                      |                                                                              |                                                                                         | 040036000226                                                   | 10/04/2021                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | 6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội           | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 4.2         | Đặng Hồng Thuyên                                    |                                                                              |                                                                                         |                                                                |                                                                          |                                                                               |                                                                            |                                                                                    |                                                                      |              | Mẹ đẻ (đã mất)                                              |
| 4.3         | Trần Bạch Giang                                     |                                                                              |                                                                                         | 042049000186                                                   | 05/08/2022                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Bố vợ                                                       |
| 4.4         | Nguyễn Thị Tĩnh                                     |                                                                              |                                                                                         | 001148011623                                                   | 02/05/2021                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Mẹ Vợ                                                       |
| 4.5         | Trần Anh Hoa                                        |                                                                              |                                                                                         | 040164000356                                                   | 27/03/2019                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | 12/41 - Búi Xương Trạch - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội               | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Chị gái                                                     |
| 4.6         | Võ Thanh Quỳnh                                      |                                                                              |                                                                                         | 040059000551                                                   | 10/07/2021                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | 12/41 - Búi Xương Trạch - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội               | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Anh rể                                                      |
| 4.7         | Trần An Lộc                                         |                                                                              |                                                                                         | BD3461765                                                      | 26/05/2020                                                               | Slovakia                                                                      | Slovakia                                                                   | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Chị gái                                                     |
| 4.8         | Lê Hồng Quang                                       |                                                                              |                                                                                         | BA0434744                                                      | 19/08/2015                                                               | Slovakia                                                                      | Slovakia                                                                   | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Anh rể                                                      |
| 4.9         | Trần Như Dũng                                       |                                                                              |                                                                                         | 040076000071                                                   | 10/04/2021                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | 6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội           | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Em trai                                                     |
| 4.10        | Nguyễn Thị Châu                                     |                                                                              |                                                                                         | 040187002306                                                   | 10/04/2021                                                               | Cục cảnh sát                                                                  | 6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội           | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Em dâu                                                      |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company                                                        | Số giấy CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ C/GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                         | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 4.11        | Trần Hồng Việt                                      | 105C525511                                                                   |                                                                                                    | 001174004049                                                   | 17/04/2015                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | 1/140 Khuất Duy Tiên - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội                                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Vợ                                                          |
| 4.12        | Trần Hoàng Nam                                      | 1048145                                                                      |                                                                                                    | 001083007276                                                   | 24/08/2022                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | P12A11 nhà 18T1 kdt Trung hoà Nhân Chính - phường Nhân Chính - Thanh Xuân, Hà Nội.      | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Em vợ                                                       |
| 4.13        | Trần Hoàng Khánh Linh                               |                                                                              |                                                                                                    | 001306055764                                                   | 22/11/2021                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | 1/140 Khuất Duy Tiên - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội                                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Con gái                                                     |
| 4.14        | Trần Việt Anh                                       |                                                                              |                                                                                                    | 001201013989                                                   | 08/04/2016                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | 1/140 Khuất Duy Tiên - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội                                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Con trai                                                    |
| 5           | Nguyễn Việt Cường                                   | 058C153366                                                                   | TV, HĐQT kiêm Phó TGD Công ty/Board Member and concurrently Deputy General Director of the Company | 026077004285                                                   | 19/05/2023                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                  | TT3-03 KDT mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.                       | 28/03/2025                                                                         |                                                                      | DHĐCD bầu    |                                                             |
| 5.1         | Nguyễn Văn Cưu                                      | -                                                                            |                                                                                                    | 026044000626                                                   | 24/06/2021                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                  | Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc                                                   | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 5.2         | Nguyễn Thị Húng                                     | -                                                                            |                                                                                                    | 026145001062                                                   | 24/06/2021                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc                                                   | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 5.3         | Trịnh Thanh Hằng                                    | 058C566983                                                                   |                                                                                                    | 001185042305                                                   | 24/08/2002                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Vợ                                                          |
| 5.4         | Nguyễn Hà Vy                                        | -                                                                            |                                                                                                    | 001305001052                                                   | 13/05/2021                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | Số 10 đường Thanh Niên, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội                                         | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Con gái                                                     |
| 5.5         | Nguyễn Việt Bách                                    | -                                                                            |                                                                                                    | 001208062555                                                   | 24/08/2022                                                                 | Cục cảnh sát                                                                  | TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Con trai                                                    |
| 5.6         | Nguyễn Kim Cát Tiên                                 |                                                                              |                                                                                                    |                                                                |                                                                            |                                                                               | TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Con gái                                                     |
| 5.7         | Nguyễn Thị An Huy                                   |                                                                              |                                                                                                    |                                                                |                                                                            |                                                                               | Cộng hòa Liên bang Đức                                                                  | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Chị gái                                                     |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company  | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                                             | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 5.8         | Nguyễn Văn Bảo                                      |                                                                              |                                              |                                                                 |                                                                           |                                                                                | Cộng hòa Liên bang Đức                                                                                      | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Anh rể                                                      |
| 5.9         | Nguyễn Thị Thanh Hường                              |                                                                              |                                              | 026173000804                                                    | 19/08/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Phố Chùa Hà, Định Trung, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                                      | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Chị gái                                                     |
| 5.10        | Lê Minh Anh                                         |                                                                              |                                              | 001064032037                                                    | 11/07/2022                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Phố Chùa Hà, Định Trung, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                                      | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Anh rể                                                      |
| 5.11        | Nguyễn Đức Quang                                    |                                                                              |                                              | 026080005427                                                    | 04/05/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | TDP Chợ Tổng, Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                                       | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Em trai                                                     |
| 5.12        | Cao Thị Kim Thành                                   |                                                                              |                                              | 026187004379                                                    | 25/08/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | TDP Chợ Tổng, Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                                       | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Em dâu                                                      |
| 5.13        | Trịnh Hữu Thêm                                      | -                                                                            |                                              | 001059032000                                                    | 10/07/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội                               | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Bố vợ                                                       |
| 5.14        | Nguyễn Thanh Huyền                                  | 058C191168                                                                   |                                              | 001168017365                                                    | 29/07/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội                               | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Mẹ vợ                                                       |
| 5.15        | CTCP SJ Dịch vụ                                     |                                                                              | Chủ tịch HĐQT                                | 0103018998                                                      | 10/08/2007                                                                | Sở KH&ĐT TP Hà Nội                                                             | Tầng M3, Tòa nhà CT1, KĐT Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội                     | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | Chủ tịch HĐQT                                               |
| 5.16        | CTCP SUDICO Hòa Bình                                |                                                                              | TV HĐQT                                      | 5400352196                                                      | 25/09/2010                                                                | Sở KH&ĐT tỉnh Hòa Bình                                                         | Khu đất DVI-2, Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo, ngõ 323 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | 14/06/2024                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |
| 6           | Đỗ Văn Bình                                         | 028C115588                                                                   | PCT HĐQT/Vice Chairman of Board of Directors | 027060006666                                                    | 16/07/2021                                                                | CA Hà Nội                                                                      | Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội                                                                    | 30/06/2012                                                                         | 28/03/2025                                                           | Hết nhiệm kỳ |                                                             |
| 6.1         | Đỗ Văn Quý                                          |                                                                              |                                              |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                                                                                                             |                                                                                    |                                                                      |              | Bố đẻ (đã mất)                                              |
| 6.2         | Vũ Thị Chung                                        |                                                                              |                                              |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                                                                                                             |                                                                                    |                                                                      |              | Mẹ đẻ (đã mất)                                              |
| 6.3         | Lưu Thị Chung                                       |                                                                              |                                              | 011911955                                                       | 09/04/2008                                                                | CA Hà Nội                                                                      | Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội                                                                    | 30/06/2012                                                                         | 28/03/2025                                                           |              | Vợ                                                          |
| 6.4         | Đỗ Bình Dương                                       |                                                                              |                                              | 027087000333                                                    | 22/06/2017                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội                                                                    | 30/06/2012                                                                         | 28/03/2025                                                           |              | Con ruột                                                    |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card/ CCCD/<br>HC/ GCNDKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NDKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNDKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NDKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNDKDN | Địa chỉ/Address                                               | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 6.5            | Phạm Thị Ngọc Thạch                                       | 026C259645                                                                                        |                                                      | 093191000002                                                      | 09/06/2016                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội                      | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con dâu                                                                 |
| 6.6            | Đỗ Vi Anh                                                 |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     | Số 4+6 Ngõ 117, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội                      | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                                |
| 6.7            | Đỗ Thị Chính                                              |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     |                                                               |                                                                                                      |                                                                                  |              | Chị ruột (đã mất)                                                       |
| 6.8            | Đỗ Văn Nguyên                                             |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     | Bắc Ninh                                                      | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Anh ruột                                                                |
| 6.9            | Đỗ Văn Thái                                               |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     | Thái Thịnh, Hà Nội                                            | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Anh ruột                                                                |
| 6.10           | Đỗ Thị Hòa                                                |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     |                                                               |                                                                                                      |                                                                                  |              | Chị ruột (đã mất)                                                       |
| 6.11           | Đỗ Thị Trinh                                              |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     | Bắc Ninh                                                      | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Chị ruột                                                                |
| 7              | Chu Thị Thu Hương                                         |                                                                                                   | TV<br>HDQT/Board<br>Member                           | 001174016144                                                      | 27/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P1302 nhà HH1, Chung cư Yên Hòa, Yên<br>Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       | Hết nhiệm kỳ |                                                                         |
| 7.1            | Chu Trí Thức                                              |                                                                                                   |                                                      | 027040000101                                                      | 04/05/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P1008, Đơn nguyên 2 nhà CT3 KĐT mới Trung<br>Vân, Hà Nội      | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Bố đẻ                                                                   |
| 7.2            | Nguyễn Thị Tứ                                             |                                                                                                   |                                                      | 027145000112                                                      | 23/04/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P1008, Đơn nguyên 2 nhà CT3 KĐT mới Trung<br>Vân, Hà Nội      | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Mẹ đẻ                                                                   |
| 7.3            | Vũ Ngọc Quỳnh                                             |                                                                                                   |                                                      | 033036000329                                                      | 12/11/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Aquaybay Sky3 Ecopack - phòng 612                             | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Bố chồng                                                                |
| 7.4            | Đoàn Anh Thư                                              |                                                                                                   |                                                      |                                                                   |                                                                                             |                                                                                                     |                                                               |                                                                                                      |                                                                                  |              | Mẹ chồng (đã<br>mất)                                                    |
| 7.5            | Vũ Minh Trí                                               |                                                                                                   |                                                      | 001069025778                                                      | 27/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 1 ngách 269 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội                   | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Chồng                                                                   |
| 7.6            | Vũ Sáng                                                   |                                                                                                   |                                                      | 001099031420                                                      | 27/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 1 ngách 269 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội                   | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                                |
| 7.7            | Vũ Thị Thanh Trúc                                         |                                                                                                   |                                                      | 001300038181                                                      | 27/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 1 ngách 269 Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội                   | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                                |
| 7.8            | Chu Trí Hiền                                              | 044C2121951                                                                                       |                                                      | 027072000371                                                      | 10/07/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Nhà số 11 ngõ 59 Chùa Bộc, Quang Trung,<br>Đống Đa, Hà Nội    | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Anh ruột                                                                |
| 7.9            | Nguyễn Thị Thu Hòa                                        |                                                                                                   |                                                      | 033177001913                                                      | 10/07/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Nhà số 11 ngõ 59 Chùa Bộc, Quang Trung,<br>Đống Đa, Hà Nội    | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Chị dâu                                                                 |
| 7.10           | Vũ Nguyên Lượng                                           | 058C447227                                                                                        |                                                      | 001072003439                                                      | 17/03/2015                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 8 hẻm 426/48/52 tổ 11B, Láng Hạ, Đống Đa,<br>Hà Nội        | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Em chồng                                                                |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNDKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNDKDN | Địa chỉ/Address                                         | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 7.11           | Trần Thị Minh Huyền                                       | 058C436048                                                                                        |                                                      | 001174003685                                                                | 16/03/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 8 hẻm 426/48/52 tổ 11B, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội     | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em dâu                                                                  |
| 7.12           | Vũ Tường Quân                                             |                                                                                                   |                                                      | 001076087354                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | CT3 Khu đô thị mới Yên Hoà- ngõ 6 Dương Đình Nghệ- P803 | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em chồng                                                                |
| 7.13           | Nguyễn Thị Thanh Quý                                      | 009C044342                                                                                        |                                                      | 001183002677                                                                | 14/07/2014                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | CT3 Khu đô thị mới Yên Hoà- ngõ 6 Dương Đình Nghệ- P803 | 16/06/2022                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em dâu                                                                  |
| 8              | Nguyễn Phú Cường                                          | 052C123363                                                                                        | TV<br>HDQT/Board<br>Member                           | 025068000093                                                                | 24/06/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội          | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       | Hết nhiệm kỳ     |                                                                         |
| 8.1            | Nguyễn Đăng Thông                                         |                                                                                                   |                                                      | 011609340                                                                   | 22/09/2003                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN                     | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Bố đẻ                                                                   |
| 8.2            | Vi Thị Loan                                               | 019C-006508                                                                                       |                                                      | 011558523                                                                   | 11/10/2003                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN                     | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Mẹ đẻ                                                                   |
| 8.3            | Phan Thị Thanh Thủy                                       | 005C288865                                                                                        |                                                      | 011369004                                                                   | 04/01/2002                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội          | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Vợ                                                                      |
| 8.4            | Nguyễn Phan Khánh Linh                                    |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội          | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Con ruột                                                                |
| 8.5            | Nguyễn Phan Anh                                           |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | P.1601-DN3-CC15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội          | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Con ruột                                                                |
| 8.6            | Nguyễn Đăng Kiên                                          |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Công tác và định cư tại CH Liên bang Đức                | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Anh ruột                                                                |
| 8.7            | Nguyễn Hữu Trung                                          | 006C005654                                                                                        |                                                      | 011354430                                                                   | 07/07/1997                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN                     | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em ruột                                                                 |
| 8.8            | Nguyễn Tiến Dũng                                          |                                                                                                   |                                                      | 011864539                                                                   | 18/04/2003                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 3/12 Nguyễn Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, HN                     | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em ruột                                                                 |
| II             | Ban Tổng giám đốc                                         |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                         |                                                                                                      |                                                                                  |                  |                                                                         |
| 1              | Trần Như Trung (như<br>mục I)                             |                                                                                                   | TGD Công<br>ty/General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                         | 13/10/2023                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                         |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company       | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>ĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>ĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                      | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 2              | Nguyễn Việt Cường<br>(như mục I)                          |                                                                                                   | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                            |                                                                                                    |                                                                      | 14/06/2025                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                         |
| 3              | Trần Oanh                                                 |                                                                                                   | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company | 001077022177                                                                | 25/02/2019                                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                                       | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                         |
| 3.1            | Trần Văn Hoạch                                            |                                                                                                   |                                                            | 036049002184                                                                | 01/03/2022                                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                                       | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố đẻ                                                                   |
| 3.2            | Nguyễn Thị Thành                                          |                                                                                                   |                                                            | 001151008132                                                                | 09/04/2021                                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                                       | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                   |
| 3.3            | Cao Thế Tâm                                               |                                                                                                   |                                                            |                                                                             |                                                                                            |                                                                                                    |                                                                      |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố vợ (đã mất)                                                          |
| 3.4            | Nguyễn Thị Oanh                                           |                                                                                                   |                                                            | 001150010024                                                                | 23/03/2021                                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                                       | Số 12, Dãy H5, Khu tập thể Bà Triệu, Hà Đông,<br>Hà nội              | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                   |
| 3.5            | Cao Thị Thu Anh                                           |                                                                                                   |                                                            | 001177017084                                                                | 30/03/2018                                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                                       | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                      |
| 3.6            | Trần Tuấn Linh                                            |                                                                                                   |                                                            | 001206021522                                                                | 09/04/2021                                                                                 | Cục Cảnh sát                                                                                       | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con trai                                                                |
| 3.7            | Trần Bảo Anh                                              |                                                                                                   |                                                            |                                                                             |                                                                                            |                                                                                                    | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con gái                                                                 |
| 3.8            | Trần Tuấn Minh                                            |                                                                                                   |                                                            |                                                                             |                                                                                            |                                                                                                    | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương<br>Trung, Thanh Xuân, Hà Nội | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con trai                                                                |
| 3.9            | Trần Thị Lan                                              |                                                                                                   |                                                            | 001174037277                                                                | 10/07/2021                                                                                 | CA Hà Nội                                                                                          | P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng -<br>Đống Đa, Hà Nội         | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị gái                                                                 |
| 3.10           | Cao Hồng Giang                                            |                                                                                                   |                                                            | 001063042037                                                                | 10/07/2021                                                                                 | CA Hà Nội                                                                                          | P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng -<br>Đống Đa, Hà Nội         | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh rể                                                                  |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company       | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                         | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 3.11           | Trần Thị Thanh Huệ                                        |                                                                                                   |                                                            | 001181032281                                                                | 25/04/2021                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà<br>nội                      | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em gái                                                                  |
| 3.12           | Nguyễn Tiến Dũng                                          | 002C082880<br>Sàn SBC                                                                             |                                                            | 001076031002                                                                | 25/04/2021                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà<br>nội                      | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em rể                                                                   |
| 4              | Nguyễn Trần Dũng                                          |                                                                                                   | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company | 001071017967                                                                | 26/06/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                                   | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                         |
| 4.1            | Nguyễn Minh Trí                                           |                                                                                                   |                                                            | 001045005245                                                                | 19/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P.<br>Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố đẻ                                                                   |
| 4.2            | Trần Thị Hội                                              |                                                                                                   |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                         |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ (đã mất)                                                          |
| 4.3            | Hồ Quang An                                               |                                                                                                   |                                                            | 001055000003                                                                | 17/07/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống<br>Đa, HN                     | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố Vợ                                                                   |
| 4.4            | Vũ Thị Hoa                                                |                                                                                                   |                                                            | 001156009790                                                                | 23/05/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống<br>Đa, HN                     | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                   |
| 4.5            | Hồ Thu Hằng                                               |                                                                                                   |                                                            | 001177048176                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                                  | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                      |
| 4.6            | Nguyễn Hồ Quỳnh Anh                                       |                                                                                                   |                                                            | 001303026221                                                                | 10/07/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                                  | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                                |
| 4.7            | Nguyễn Hồ Đức                                             |                                                                                                   |                                                            | 001206000039                                                                | 06/07/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                                  | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                                |
| 4.8            | Nguyễn Trần Tuệ                                           |                                                                                                   |                                                            | 001068022800                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La,<br>Quận Hà Đông, Hà Nội      | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh ruột                                                                |
| 4.9            | Bùi Thị Thu Thủy                                          |                                                                                                   |                                                            | 037186007169                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La,<br>Quận Hà Đông, Hà Nội      | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị dâu                                                                 |
| 4.10           | Nguyễn Trung Linh                                         |                                                                                                   |                                                            | 001089032283                                                                | 27/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P.<br>Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Em ruột                                                                 |



✓

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company    | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCNDKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCNDKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason  | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------|
| 5           | Nguyễn Công Chính                                   | 030C361080                                                                   | Phó TGD/Deputy General Director of the Company | 013579109                                                       | 19/07/2012                                                               | CA Hà Nội                                                                     | Tổ dân phố Phú Hà, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội | 16/11/2018                                                                         |                                                                      | HDQT Bổ nhiệm |                                                             |
| 5.1         | Nguyễn Văn Ruệ                                      |                                                                              |                                                | 034054019002                                                    | 24/06/2021                                                               | Cục Cảnh sát                                                                  | Lưu Phương, xã Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình         | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Bố đẻ                                                       |
| 5.2         | Phạm Thị Hoa                                        |                                                                              |                                                |                                                                 |                                                                          |                                                                               |                                                       |                                                                                    |                                                                      |               | Mẹ đẻ (đã mất)                                              |
| 5.3         | Tô Đình Khuê                                        |                                                                              |                                                | 034056005904                                                    | 22/09/2020                                                               | CA Hà Nội                                                                     | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                   | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Bố Vợ                                                       |
| 5.4         | Hoàng Thị Loan                                      |                                                                              |                                                | 034159002459                                                    | 10/09/2019                                                               | CA Hà Nội                                                                     | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                   | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Mẹ Vợ                                                       |
| 5.5         | Tô Thị Phương                                       |                                                                              |                                                | 034179002288                                                    | 29/04/2021                                                               | Cục Cảnh sát                                                                  | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                   | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Vợ                                                          |
| 5.6         | Nguyễn Phương Chính                                 |                                                                              |                                                | 001305005023                                                    | 13/11/2021                                                               | Cục Cảnh sát                                                                  | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                   | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Con ruột                                                    |
| 5.7         | Nguyễn Nam Khánh                                    |                                                                              |                                                |                                                                 |                                                                          |                                                                               | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                   | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Con ruột                                                    |
| 5.8         | Nguyễn Đức Thiện                                    |                                                                              |                                                | 034078009723                                                    | 10/05/2020                                                               | CA Thái Bình                                                                  | Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình            | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Anh ruột                                                    |
| 5.9         | Trần Thị Hoài                                       |                                                                              |                                                | 034179002605                                                    | 20/01/2016                                                               | CA Thái Bình                                                                  | Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình            | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Chị dâu                                                     |
| 5.10        | Nguyễn Thị Thanh Mừng                               |                                                                              |                                                | 034186016131                                                    | 05/10/2021                                                               | Cục Cảnh sát                                                                  | TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội          | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Em ruột                                                     |
| 5.11        | Phạm Quốc Trị                                       |                                                                              |                                                | 034086008726                                                    | 26/04/2018                                                               | CA Hà Nội                                                                     | TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội          | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |               | Em rể                                                       |
| III         | Ban kiểm soát                                       |                                                                              |                                                |                                                                 |                                                                          |                                                                               |                                                       |                                                                                    |                                                                      |               |                                                             |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                     | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1              | Lê Thị Thủy                                               |                                                                                                   | Trưởng<br>BKS/Head of<br>Corporate<br>Control Board                      | 030180008871                                                                | 15/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ<br>Liêm, Hà Nội                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  | ĐHĐCĐ bầu    |                                                                         |
| 1.1            | Lê Đức Tuấn                                               |                                                                                                   |                                                                          | 140221452                                                                   | 27/08/2012                                                                                  | CA Hải Dương                                                                                        | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Bố đẻ                                                                   |
| 1.2            | Nguyễn Thị Lụa                                            |                                                                                                   |                                                                          | 140221664                                                                   | 15/12/2007                                                                                  | CA Hải Dương                                                                                        | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ đẻ                                                                   |
| 1.3            | An Đăng Tuyển                                             |                                                                                                   |                                                                          | 030052001044                                                                | 09/05/2017                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương                                       | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Bố chồng                                                                |
| 1.4            | Bùi Thị Nhân                                              |                                                                                                   |                                                                          | 030077008127                                                                | 17/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương                                       | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ chồng                                                                |
| 1.5            | An Đăng Quyền                                             |                                                                                                   |                                                                          | 030077008127                                                                | 06/03/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ<br>Liêm, Hà Nội                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Chồng                                                                   |
| 1.6            | Lê Anh Dũng                                               |                                                                                                   |                                                                          | 030078002204                                                                | 26/10/2016                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Anh ruột                                                                |
| 1.7            | Cao Thị Hoàng Lý                                          |                                                                                                   |                                                                          | C3583865                                                                    | 07/06/2017                                                                                  | Cục XNC                                                                                             | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Chị dâu                                                                 |
| 1.8            | An Đăng Quang                                             |                                                                                                   |                                                                          | 030205000482                                                                | 05/07/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ<br>Liêm, Hà Nội                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Con ruột                                                                |
| 1.9            | An Hoàng Quân                                             |                                                                                                   |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ<br>Liêm, Hà Nội                        | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Con ruột                                                                |
| 2              | Trần Thị Thanh Huyền                                      |                                                                                                   | Thành viên<br>BKS/Member<br>of the<br>company's<br>board of<br>directors | 001176041339                                                                | 20/11/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, phường<br>Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  | ĐHĐCĐ bầu    |                                                                         |
| 2.1            | Trần Văn Toàn                                             |                                                                                                   |                                                                          | 008050000041                                                                | 04/06/2020                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội                                       | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Bố đẻ                                                                   |
| 2.2            | Nguyễn Thị Thanh                                          |                                                                                                   |                                                                          | 038150005817                                                                | 04/06/2020                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội                                       | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ đẻ                                                                   |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 2.3            | Lê Đình Điền                                              |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                |                                                                                                      |                                                                                  |              | Bố chồng (đã<br>mất)                                                    |
| 2.4            | Đinh Thị Nén                                              |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                |                                                                                                      |                                                                                  |              | Mẹ chồng (đã<br>mất)                                                    |
| 2.5            | Lê Minh Thắng                                             |                                                                                                   |                                                      | 011958537                                                                   | 03/08/2010                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung<br>Phụng, Đống Đa, Hà Nội             | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Chồng                                                                   |
| 2.6            | Lê Trần Ngọc Minh                                         |                                                                                                   |                                                      | 001201002389                                                                | 06/08/2015                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung<br>Phụng, Đống Đa, Hà Nội             | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Con ruột                                                                |
| 2.7            | Lê Huyền Linh                                             |                                                                                                   |                                                      | 001305002501                                                                | 19/07/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung<br>Phụng, Đống Đa, Hà Nội             | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Con ruột                                                                |
| 2.8            | Lê Trần Liên Hoa                                          |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung<br>Phụng, Đống Đa, Hà Nội             | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Con ruột                                                                |
| 2.9            | Trần Thanh Hương                                          | 003C126169                                                                                        |                                                      | 001179000281                                                                | 08/02/2013                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ<br>173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Em ruột                                                                 |
| 2.10           | Phạm Đức Long                                             | 003C131416                                                                                        |                                                      | 022077001943                                                                | 23/11/2017                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ<br>173 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà nội | 16/06/2022                                                                                           |                                                                                  |              | Em rể                                                                   |
| 3              | Nguyễn Thu Hiền                                           |                                                                                                   | Thành viên<br>BKS/Member<br>of the<br>company's      | 030195010125                                                                | 25/8/2021                                                                                   | Cục cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                                        | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  | DHDCD bầu    |                                                                         |
| 3.1            | Nguyễn Đức Chiến                                          |                                                                                                   |                                                      | 030070022974                                                                | 24/02/2022                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                                        | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Bố đẻ                                                                   |
| 3.2            | Nguyễn Thị Huân                                           |                                                                                                   |                                                      | 030175002845                                                                | 25/08/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                                        | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ đẻ                                                                   |
| 3.3            | Nguyễn Thị Thảo Linh                                      |                                                                                                   |                                                      | 030302002210                                                                | 14/08/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                                        | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Em ruột                                                                 |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company               | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Dịa chỉ/Address                         | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 3.4         | Nguyễn Đức Hùng                                                     |                                                                              |                                                           | 030291709006                                                     | 14/04/2023                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Em ruột                                                     |
| 4           | Nguyễn Ngọc Thắng                                                   | 074C000003                                                                   | Thành viên BKS/Member of the company's board of directors | 036072010734                                                     | 10/07/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/3/2025                                                            | Hết nhiệm kỳ |                                                             |
| 4.1         | Nguyễn Viết Dư                                                      |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Bố đẻ                                                       |
| 4.2         | Đinh Thị Toàn                                                       |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 4.3         | Vũ Thanh Hùng                                                       |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  |                                                                                    |                                                                      |              | Bố vợ (đã mất)                                              |
| 4.4         | Đoài Thị Minh Thu                                                   |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Mẹ vợ                                                       |
| 4.5         | Vũ Hương Giang                                                      |                                                                              |                                                           | 013021074                                                        | 18/10/2007                                                                | CA Hà Nội                                                                      | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Vợ                                                          |
| 4.6         | Nguyễn Vũ Phương Linh                                               |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Con ruột                                                    |
| 4.7         | Nguyễn Vũ Hà Phương                                                 |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 11 P.Thượng Thanh, Q. Long Biên, HN  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Con ruột                                                    |
| 4.8         | Nguyễn Thanh Thủy                                                   |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Bệnh viện Mắt Nam Định                  | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Em ruột                                                     |
| 4.9         | Nguyễn Văn Bình                                                     |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                |                                         | 30/6/2012                                                                          | 28/03/2025                                                           |              | Em rể                                                       |
| IV          | Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty |                                                                              |                                                           |                                                                  |                                                                           |                                                                                |                                         |                                                                                    |                                                                      |              |                                                             |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                                                                           | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                        | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1              | Nguyễn Hải Ninh                                           |                                                                                                   | Giám đốc Tài<br>chính, Người<br>được ủy<br>quyền<br>CBTT/Chief<br>Financial<br>Officer,<br>Authorized<br>Disclosure<br>Officer | 004073007746                                                                | 07/08/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                      | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                         |
| 1.1            | Nguyễn Văn Nghiễn                                         |                                                                                                   |                                                                                                                                |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                        |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bồ đề (đã mất)                                                          |
| 1.2            | Phạm Thị Hiền                                             |                                                                                                   |                                                                                                                                | 011813084                                                                   | 20/04/2014                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội                             | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                   |
| 1.3            | Trần Huy Thiện                                            |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001042005036                                                                | 16/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Bồ vợ                                                                   |
| 1.4            | Phạm Thị Hòa                                              |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001148002338                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                   |
| 1.5            | Nguyễn Hải Nam                                            |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001087002491                                                                | 22/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội                     | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em trai                                                                 |
| 1.6            | Đào Minh Hường                                            |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001196004695                                                                | 11/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội                     | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em dâu                                                                  |
| 1.7            | Trần Thị Thanh Hiền                                       |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001175000421                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                      |
| 1.8            | Trần Thị Quỳnh Anh                                        |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001187002693                                                                | 02/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em vợ                                                                   |
| 1.9            | Nguyễn Trần Trung                                         |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001099008410                                                                | 15/07/2015                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con trai                                                                |
| 1.10           | Nguyễn Trần Minh Quân                                     |                                                                                                   |                                                                                                                                | 001203002988                                                                | 01/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Con trai                                                                |
| 2              | Trần Việt Dũng                                            | 052C105020                                                                                        | Kế toán<br>trưởng/Chief<br>Accountant                                                                                          | 001081003926                                                                | 25/7/2021                                                                                   | Cục Cảnh sát                                                                                        | 06 Lê Thánh Tông, Phan Chu Trinh, Hoàn<br>Kiếm, Hà Nội | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                         |
| 2.1            | Trần Văn Chính                                            |                                                                                                   |                                                                                                                                | 037051000717                                                                | 27/05/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN               | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Bồ đẻ                                                                   |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                               | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 2.2            | Nghiêm Đức Hạnh                                           |                                                                                                   |                                                      | 019152000126                                                                | 27/05/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN                                      | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                   |
| 2.3            | Trần Chu Thịnh                                            |                                                                                                   |                                                      | 011402196                                                                   | 28/05/2011                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội                                       | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố vợ                                                                   |
| 2.4            | Nguyễn Thị Minh                                           |                                                                                                   |                                                      | 001164007937                                                                | 13/09/2016                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội                                       | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ vợ                                                                   |
| 2.5            | Trần Hoài Thu                                             |                                                                                                   |                                                      | 001186038719                                                                | 24/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội                                     | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                      |
| 2.6            | Trần Nhật Nam                                             |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội                                     | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                                |
| 2.7            | Trần Minh Khôi                                            |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội                                     | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                                |
| 2.8            | Trần Việt Phương                                          |                                                                                                   |                                                      | 001086014154                                                                | 09/07/2016                                                                                  | Hà Nội                                                                                              | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN                                      | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Em ruột                                                                 |
| 2.9            | Lý Thái Hà                                                |                                                                                                   |                                                      | 001188011413                                                                | 03/03/2017                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN                                      | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Em dâu                                                                  |
| 3              | Nguyễn Minh Sơn                                           | 006C009446                                                                                        | Trưởng ban<br>KTNB/Head<br>of Internal<br>Audit      | 017075000068                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú,<br>Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                         |
| 3.1            | Nguyễn Minh Biếc                                          |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố đẻ (đã mất)                                                          |
| 3.2            | Nguyễn Thị Lài                                            |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ (đã mất)                                                          |
| 3.3            | Nguyễn Văn Hùng                                           |                                                                                                   |                                                      | 113295478                                                                   | 12/07/2007                                                                                  | CA Hòa Bình                                                                                         | Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội                                               | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố vợ                                                                   |
| 3.4            | Bùi Thị Lý                                                |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội                                               | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                   |
| 3.5            | Nguyễn Ngọc Hải                                           |                                                                                                   |                                                      | 012281284                                                                   | 26/02/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội                                               | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh ruột                                                                |
| 3.6            | Nông Thị Mai                                              |                                                                                                   |                                                      | 011490190                                                                   | 26/02/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội                                               | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị dâu                                                                 |
| 3.7            | Nguyễn Thị Hòa                                            |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                     | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị ruột                                                                |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company                        | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                            | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason  | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------|
| 3.8         | Trịnh Đức Vượng                                     |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                  | 06/10/2022                                                                         |                                                                      |               | Anh rể                                                      |
| 3.9         | Nguyễn Ngọc Thanh                                   |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                |                                                                            |                                                                                    |                                                                      |               | Anh ruột (đã mất)                                           |
| 3.10        | Trần Thị Ngoan                                      |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                  | 06/10/2022                                                                         |                                                                      |               | Chị dâu                                                     |
| 3.11        | Nguyễn Thanh Kỳ                                     |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                  | 06/10/2022                                                                         |                                                                      |               | Anh ruột                                                    |
| 3.12        | Nguyễn Thị Trang                                    |                                                                              |                                                                    | 001184012220                                                     | 25/02/2016                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | 06/10/2022                                                                         |                                                                      |               | Vợ                                                          |
| 3.13        | Nguyễn Minh Quỳnh Như                               |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | 06/10/2022                                                                         |                                                                      |               | Con ruột                                                    |
| 3.14        | Nguyễn Quang Vinh                                   |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội | 06/10/2022                                                                         |                                                                      |               | Con ruột                                                    |
| 4           | Nguyễn Đăng Vinh                                    |                                                                              | Thư ký, Người PTQT Công ty/Secretary, Corporate Governance Officer | 027076012742                                                     | 25/6/2024                                                                 | Cục cảnh sát                                                                   | Chung cư One18, ngõ 298 Ngọc lâm, Long Biên, Hà Nội                        | 06/03/2025                                                                         |                                                                      | HDQT Bổ nhiệm |                                                             |
| 4.1         | Nguyễn Đăng Quyền                                   |                                                                              |                                                                    |                                                                  |                                                                           |                                                                                |                                                                            |                                                                                    |                                                                      |               | Bố đẻ (đã mất)                                              |
| 4.2         | Lương Thị Thức                                      |                                                                              |                                                                    | 027134001523                                                     | 20/06/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                         |                                                                                    |                                                                      |               | Mẹ đẻ                                                       |
| 4.3         | Phạm Minh Hải                                       |                                                                              |                                                                    | 001176017416                                                     | 04/04/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                                     |                                                                                    |                                                                      |               | Vợ                                                          |
| 4.4         | Nguyễn Đăng Anh                                     |                                                                              |                                                                    | 001203005483                                                     | 27/04/2021                                                                | Cục cảnh sát                                                                   | Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                                     |                                                                                    |                                                                      |               | Con ruột                                                    |
| 4.5         | Nguyễn Đăng Thái Anh                                |                                                                              |                                                                    | 001209000998                                                     | 08/12/2023                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                                     |                                                                                    |                                                                      |               | Con ruột                                                    |
| 4.6         | Nguyễn Đăng Hành                                    |                                                                              |                                                                    | 027055004662                                                     | 04/05/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                         |                                                                                    |                                                                      |               | Anh trai                                                    |
| 4.7         | Phạm Thị Vân                                        |                                                                              |                                                                    | 027161005069                                                     | 09/05/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                         |                                                                                    |                                                                      |               | Chị dâu                                                     |
| 4.8         | Nguyễn Thị Chính                                    |                                                                              |                                                                    | 027157004782                                                     | 25/06/2021                                                                | Cục Cảnh sát                                                                   | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                         |                                                                                    |                                                                      |               | Chị gái                                                     |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                              | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                            | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason                | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 4.9            | Phạm Đức Lịch                                             |                                                                                                   |                                                                                   | 027058005089                                                                | 28/06/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                                  |
| 4.10           | Nguyễn Thị Tính                                           |                                                                                                   |                                                                                   | 027162004833                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                                 |
| 4.11           | Đỗ Văn Khách                                              |                                                                                                   |                                                                                   | 027060007892                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                                  |
| 4.12           | Nguyễn Đăng Thông                                         |                                                                                                   |                                                                                   | 027065000284                                                                | 26/10/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh trai                                                                |
| 4.13           | Nguyễn Thị Hương                                          |                                                                                                   |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             | Cục Cảnh sát                                                                                        | 116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị dâu                                                                 |
| 4.14           | Nguyễn Thị Thao                                           |                                                                                                   |                                                                                   | 027168009640                                                                | 12/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh                           |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                                 |
| 4.15           | Bùi Bá Hóa                                                |                                                                                                   |                                                                                   | 027063009719                                                                | 12/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh                           |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                                  |
| 4.16           | Nguyễn Thị Thạo                                           |                                                                                                   |                                                                                   | 027171007680                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                                 |
| 4.17           | Trần Hữu Cường                                            |                                                                                                   |                                                                                   | 027064008066                                                                | 15/10/2024                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                                  |
| 4.18           | Nguyễn Thị Mỹ                                             |                                                                                                   |                                                                                   | 027174010176                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                                 |
| 4.19           | Nguyễn Văn Dương                                          |                                                                                                   |                                                                                   | 027070006674                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                         |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                                  |
| 4.20           | Phạm Văn Tông                                             |                                                                                                   |                                                                                   | 001052006238                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội                             |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Bố vợ                                                                   |
| 4.21           | Nguyễn Thị Phương Mai                                     |                                                                                                   |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội                             |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Mẹ vợ (đã mất)                                                          |
| 5              | Trần Phụng Dư                                             | 009C900737                                                                                        | Thư ký, Người<br>PTQT Công<br>ty/Secretary,<br>Corporate<br>Governance<br>Officer | 010075000013                                                                | 30/4/2021                                                                                   | Cục cảnh sát                                                                                        | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       | Theo nguyên<br>vọng cá nhân |                                                                         |
| 5.1            | Trần Duẩn                                                 |                                                                                                   |                                                                                   | 012968446                                                                   | 15/05/2007                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Bố đẻ                                                                   |
| 5.2            | Nguyễn Thị Thu                                            |                                                                                                   |                                                                                   | 012968459                                                                   | 15/05/2007                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Mẹ đẻ                                                                   |
| 5.3            | Phạm Bá Quý                                               |                                                                                                   |                                                                                   | 020051000024                                                                |                                                                                             | Cục Cảnh sát                                                                                        | Freyberg Avenue-Papatoetoe-Auckland-Newzeland              | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Bố vợ                                                                   |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                          | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan/Time is no<br>longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ<br>đối với người<br>nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 5.4            | Phí Thị Kim                                               |                                                                                                   |                                                      | 022154000082                                                                |                                                                                             | Cục Cảnh sát                                                                                        | Freyberg Avenue-Papatoetoe-Auckland-Newzeland                            | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Mẹ vợ                                                                   |
| 5.5            | Phạm Ngọc Minh                                            |                                                                                                   |                                                      | 022179005859                                                                | 05/01/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Vợ                                                                      |
| 5.6            | Trần Phương Anh                                           |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                                |
| 5.7            | Trần Minh Hoàng                                           |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                                |
| 5.8            | Trần Ruby Phụng                                           |                                                                                                   |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                                |
| 5.9            | Trần Kim Dung                                             |                                                                                                   |                                                      | 010173000068                                                                | 19/04/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Tòa nhà V1, Văn Phú - Victoria, CT9, KĐT mới<br>Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Chị ruột                                                                |
| 5.10           | Trần Mai Duyên                                            |                                                                                                   |                                                      | 010177000102                                                                | 15/07/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Khu TT Nông Lâm, Phố Nối, Hưng Yên                                       | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Em ruột                                                                 |
| 5.11           | Đỗ Thế Hưng                                               |                                                                                                   |                                                      | 145906769                                                                   | 12/12/2014                                                                                  | CA Hưng yên                                                                                         | Khu TT Nông Lâm, Phố Nối, Hưng Yên                                       | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Em rể                                                                   |
| 5.12           | Trần Minh Thương                                          |                                                                                                   |                                                      | 010079000008                                                                | 11/06/2014                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Em ruột                                                                 |
| 5.13           | Nguyễn Hương Thảo                                         |                                                                                                   |                                                      | 030183000210                                                                | 11/06/2014                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Ngõ 42, phố Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội                               | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |              | Em dâu                                                                  |

## DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách về người có liên quan của Công ty/The list of affiliated persons of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| I           | Hội đồng quản trị                                   |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 |                                                                                    |                                                                      |              |                                                             |
| 1           | Bùi Quang Bách                                      |                                                                              | Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board         |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      | DHDCD bầu    |                                                             |
| 1.1         | Bùi Viết Quỳnh                                      |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 1.2         | Nguyễn Thị Mẫn                                      |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 1.3         | Nguyễn Thị Thu Hà                                   |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Vợ                                                          |
| 1.4         | Bùi Hà Chi                                          |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Con gái                                                     |
| 1.5         | Bùi Hoàng Nam                                       |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Con trai                                                    |
| 1.6         | Bùi Quỳnh Vân                                       |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Em gái                                                      |
| 1.7         | Trương Ngọc Minh                                    |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Em rể                                                       |
| 1.8         | Nguyễn Thế Phong                                    |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Bố vợ                                                       |
| 1.9         | Nguyễn Thị Mỹ                                       |                                                                              |                                             |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 |                                                                                    |                                                                      |              | Mẹ vợ (đã mất)                                              |
| 1.10        | Công ty CP Chứng khoán Quốc gia                     |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        |                                                                  |                                                                             |                                                                                |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 1.11        | CTCP SAM Holdings                                   |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT độc lập, Kiểm TV UBKTNB                             |
| 1.12        | CTCP Bất động sản Capella                           |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |
| 1.13        | CTCP TASCO                                          |                                                                              | TV HĐQT/Board Member                        |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | TV HĐQT                                                     |
| 2           | Phương Xuân Thụy                                    | 052C123363                                                                   | TV HĐQT/Board Member                        |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      | DHDCD bầu    |                                                             |
| 2.1         | Phương Xuân Thịnh                                   |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 2.2         | Nguyễn Thị Lan                                      |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 2.3         | Phương Thừa Vũ                                      |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Anh ruột                                                    |
| 2.4         | Phương Quốc Vĩnh                                    |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Anh ruột                                                    |
| 2.5         | Lê Thị Như Mai                                      |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Chị dâu                                                     |
| 2.6         | Phương Minh Huệ                                     |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Chị ruột                                                    |
| 2.7         | Nguyễn Bá Cảnh                                      |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Anh rể                                                      |
| 2.8         | Đỗ Thị Ngọc Hà                                      |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Vợ                                                          |
| 2.9         | Phương Minh Thái                                    |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Con đẻ                                                      |
| 2.10        | Phương Đỗ Thái Dương                                |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Con đẻ                                                      |
| 2.11        | Đỗ Ngọc Dũng                                        |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Bố vợ                                                       |
| 2.12        | Phạm Thị Huệ                                        |                                                                              |                                             |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Mẹ vợ                                                       |
| 2.13        | Công ty CP Đầu tư Infinity Group                    |                                                                              | Chủ tịch HĐQT/Chairman of the Board         |                                                                |                                                                          |                                                                               |                 | 16/03/2023                                                                         |                                                                      |              | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD                                      |

| STT /stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                                                         | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|-----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------|
| 2.14            | CTCP SACOM Tuyền<br>Lâm                                   |                                                                                                | Chủ tịch<br>HDQT/Chairma<br>n of the Board                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Chủ tịch HDQT                                                        |
| 2.15            | CTCP Dịch vụ Du lịch<br>Phủ Thọ                           |                                                                                                | TV<br>HDQT/Board<br>Member                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | TV HDQT                                                              |
| 2.16            | CTCP SAM Holdings                                         |                                                                                                | TV<br>HDQT/Board<br>Member                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | Phó Chủ tịch<br>HDQT                                                 |
| 2.17            | CTCP Công viên nước<br>Đầm Sen                            |                                                                                                | TV<br>HDQT/Board<br>Member                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/03/2023                                                                                           |                                                                                  |              | TV HDQT                                                              |
| 3               | Đỗ Lê Minh                                                |                                                                                                | TV<br>HDQT/Board<br>Member                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/3/2025                                                                                            |                                                                                  | DHDCD bầu    |                                                                      |
| 3.1             | Đỗ Văn Bích                                               |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Bố đẻ (đã mất)                                                       |
| 3.2             | Lê Thị Lan                                                |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ đẻ                                                                |
| 3.3             | Phương Hữu Việt                                           |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Chồng                                                                |
| 3.4             | Phương Hồng Minh                                          |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Con ruột                                                             |
| 3.5             | Phương Quốc Bình                                          |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Còn nhỏ                                                              |
| 3.6             | Phương Việt Linh                                          |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Còn nhỏ                                                              |
| 3.7             | Đỗ Minh Ngọc                                              |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Chị ruột                                                             |
| 3.8             | Phương Xuân Hòa                                           |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Bố chồng (đã<br>mất)                                                 |
| 3.9             | Lương Thị Bến                                             |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Mẹ chồng (đã<br>mất)                                                 |
| 4               | Trần Như Trung                                            |                                                                                                | TV, HDQT<br>kiêm TGD<br>Công ty/Board<br>Member and<br>concurrently<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  | DHDCD bầu    |                                                                      |
| 4.1             | Trần Đình Viện                                            |                                                                                                |                                                                                                              |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Bố đẻ                                                                |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                                                                       | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------|
| 4.2            | Đặng Hồng Thuyền                                          |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Mẹ đẻ (đã mất)                                                       |
| 4.3            | Trần Bạch Giang                                           |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Bố vợ                                                                |
| 4.4            | Nguyễn Thị Tinh                                           |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ Vợ                                                                |
| 4.5            | Trần Anh Hoa                                              |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Chị gái                                                              |
| 4.6            | Võ Thanh Quỳnh                                            |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Anh rể                                                               |
| 4.7            | Trần An Lộc                                               |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Chị gái                                                              |
| 4.8            | Lê Hồng Quang                                             |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Anh rể                                                               |
| 4.9            | Trần Như Dũng                                             |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Em trai                                                              |
| 4.10           | Nguyễn Thị Châu                                           |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Em dâu                                                               |
| 4.11           | Trần Hồng Việt                                            | 105C525511                                                                                     |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Vợ                                                                   |
| 4.12           | Trần Hoàng Nam                                            | 1048145                                                                                        |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Em vợ                                                                |
| 4.13           | Trần Hoàng Khánh Linh                                     |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Con gái                                                              |
| 4.14           | Trần Việt Anh                                             |                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Con trai                                                             |
| 5              | Nguyễn Việt Cường                                         | 058C153366                                                                                     | TV. HDQT<br>kiêm Phó TGD<br>Công ty/Board<br>Member and<br>concurrently<br>Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  | DHDCD bầu    |                                                                      |
| 5.1            | Nguyễn Văn Cưu                                            | -                                                                                              |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 28/03/2025                                                                                           |                                                                                  |              | Bố đẻ                                                                |
| 5.2            | Nguyễn Thị Húng                                           | -                                                                                              |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ đẻ                                                                |
| 5.3            | Trịnh Thanh Hằng                                          | 058C566983                                                                                     |                                                                                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Vợ                                                                   |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company     | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------|
| 5.4            | Nguyễn Hà Vy                                              | -                                                                                              |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Con gái                                                              |
| 5.5            | Nguyễn Việt Bách                                          | -                                                                                              |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Con trai                                                             |
| 5.6            | Nguyễn Kim Cát Tiên                                       |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Con gái                                                              |
| 5.7            | Nguyễn Thị An Huy                                         |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Chị gái                                                              |
| 5.8            | Nguyễn Văn Bảo                                            |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Anh rể                                                               |
| 5.9            | Nguyễn Thị Thanh<br>Hường                                 |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Chị gái                                                              |
| 5.10           | Lê Minh Anh                                               |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Anh rể                                                               |
| 5.11           | Nguyễn Đức Quang                                          |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Em trai                                                              |
| 5.12           | Cao Thị Kim Thành                                         |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Em dâu                                                               |
| 5.13           | Trịnh Hữu Thêm                                            | -                                                                                              |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Bố vợ                                                                |
| 5.14           | Nguyễn Thanh Huyền                                        | 058C191168                                                                                     |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Mẹ vợ                                                                |
| 5.15           | CTCP SJ Dịch vụ                                           |                                                                                                | Chủ tịch HĐQT                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | Chủ tịch HĐQT                                                        |
| 5.16           | CTCP SUDICO Hòa Bình                                      |                                                                                                | TV HĐQT                                                  |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2024                                                                                           |                                                                                  |              | TV HĐQT                                                              |
| 6              | Đỗ Văn Bình                                               | 028C115588                                                                                     | PCT<br>HĐQT/Vice<br>Chairman of<br>Board of<br>Directors |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       | Hết nhiệm kỳ |                                                                      |
| 6.1            | Đỗ Văn Quý                                                |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Bố đẻ (đã mất)                                                       |
| 6.2            | Vũ Thị Chung                                              |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Mẹ đẻ (đã mất)                                                       |
| 6.3            | Lưu Thị Chung                                             |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Vợ                                                                   |
| 6.4            | Đỗ Bình Dương                                             |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                             |
| 6.5            | Phạm Thị Ngọc Thạch                                       | 026C259645                                                                                     |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con dâu                                                              |
| 6.6            | Đỗ Vi Anh                                                 |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/06/2012                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |              | Con ruột                                                             |
| 6.7            | Đỗ Thị Chính                                              |                                                                                                |                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |              | Chị ruột (đã mất)                                                    |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason        | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|
| 6.8         | Đỗ Văn Nguyên                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 30/06/2012                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Anh ruột                                                    |
| 6.9         | Đỗ Văn Thái                                         |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 30/06/2012                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Anh ruột                                                    |
| 6.10        | Đỗ Thị Hòa                                          |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 |                                                                                    |                                                                      |                     | Chị ruột (đã mất)                                           |
| 6.11        | Đỗ Thị Trinh                                        |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 30/06/2012                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Chị ruột                                                    |
| 7           | <b>Chu Thị Thu Hương</b>                            |                                                                              | <b>TV<br/>HDQT/Board<br/>Member</b>         |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | <b>16/06/2022</b>                                                                  | <b>28/03/2025</b>                                                    | <b>Hết nhiệm kỳ</b> |                                                             |
| 7.1         | Chu Trí Thức                                        |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Bố đẻ                                                       |
| 7.2         | Nguyễn Thị Tứ                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Mẹ đẻ                                                       |
| 7.3         | Vũ Ngọc Quỳnh                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Bố chồng                                                    |
| 7.4         | Đoàn Anh Thư                                        |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 |                                                                                    |                                                                      |                     | Mẹ chồng (đã mất)                                           |
| 7.5         | Vũ Minh Trí                                         |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Chồng                                                       |
| 7.6         | Vũ Sáng                                             |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Con ruột                                                    |
| 7.7         | Vũ Thị Thanh Trúc                                   |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Con ruột                                                    |
| 7.8         | Chu Trí Hiền                                        | 044C2121951                                                                  |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Anh ruột                                                    |
| 7.9         | Nguyễn Thị Thu Hòa                                  |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Chị dâu                                                     |
| 7.10        | Vũ Nguyên Lượng                                     | 058C447227                                                                   |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Em chồng                                                    |
| 7.11        | Trần Thị Minh Huyền                                 | 058C436048                                                                   |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Em dâu                                                      |
| 7.12        | Vũ Tường Quân                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Em chồng                                                    |
| 7.13        | Nguyễn Thị Thanh Quý                                | 009C044342                                                                   |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Em dâu                                                      |
| 8           | <b>Nguyễn Phú Cường</b>                             | <b>052C123363</b>                                                            | <b>TV<br/>HDQT/Board<br/>Member</b>         |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | <b>26/03/2007</b>                                                                  | <b>28/03/2025</b>                                                    | <b>Hết nhiệm kỳ</b> |                                                             |
| 8.1         | Nguyễn Đăng Thông                                   |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 26/03/2007                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Bố đẻ                                                       |
| 8.2         | Vi Thị Loan                                         | 019C-006508                                                                  |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 26/03/2007                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Mẹ đẻ                                                       |
| 8.3         | Phan Thị Thanh Thủy                                 | 005C288865                                                                   |                                             |                                                                   |                                                                              |                                                                                 |                 | 26/03/2007                                                                         | 28/03/2025                                                           |                     | Vợ                                                          |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company       | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Dịa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 8.4            | Nguyễn Phan Khánh Linh                                    |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Con ruột                                                             |
| 8.5            | Nguyễn Phan Anh                                           |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Con ruột                                                             |
| 8.6            | Nguyễn Đăng Kiên                                          |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Anh ruột                                                             |
| 8.7            | Nguyễn Hữu Trung                                          | 006C005654                                                                                     |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em ruột                                                              |
| 8.8            | Nguyễn Tiến Dũng                                          |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 26/03/2007                                                                                           | 28/03/2025                                                                       |                  | Em ruột                                                              |
| II             | Ban Tổng giám đốc                                         |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  |                                                                      |
| 1              | Trần Như Trung (như<br>mục I)                             |                                                                                                | TGD Công<br>ty/General<br>Director of the<br>Company       |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 13/10/2023                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                      |
| 2              | Nguyễn Việt Cường<br>(như mục I)                          |                                                                                                | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 14/06/2025                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                      |
| 3              | Trần Oanh                                                 |                                                                                                | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                      |
| 3.1            | Trần Văn Hoạch                                            |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố đẻ                                                                |
| 3.2            | Nguyễn Thị Thành                                          |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                |
| 3.3            | Cao Thế Tâm                                               |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố vợ (đã mất)                                                       |
| 3.4            | Nguyễn Thị Oanh                                           |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                |
| 3.5            | Cao Thị Thu Anh                                           |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                   |
| 3.6            | Trần Tuấn Linh                                            |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con trai                                                             |
| 3.7            | Trần Bảo Anh                                              |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con gái                                                              |
| 3.8            | Trần Tuấn Minh                                            |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con trai                                                             |
| 3.9            | Trần Thị Lan                                              |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị gái                                                              |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company       | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 3.10           | Cao Hồng Giang                                            |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh rể                                                               |
| 3.11           | Trần Thị Thanh Huệ                                        |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em gái                                                               |
| 3.12           | Nguyễn Tiến Dũng                                          | 002C082880<br>Sân SBC                                                                          |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 09/01/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em rể                                                                |
| 4              | Nguyễn Trần Dũng                                          |                                                                                                | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                      |
| 4.1            | Nguyễn Minh Trí                                           |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố đẻ                                                                |
| 4.2            | Trần Thị Hội                                              |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ (đã mất)                                                       |
| 4.3            | Hồ Quang An                                               |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố Vợ                                                                |
| 4.4            | Vũ Thị Hoa                                                |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                |
| 4.5            | Hồ Thu Hằng                                               |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                   |
| 4.6            | Nguyễn Hồ Quỳnh Anh                                       |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 4.7            | Nguyễn Hồ Đức                                             |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 4.8            | Nguyễn Trần Tuệ                                           |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh ruột                                                             |
| 4.9            | Bùi Thị Thu Thủy                                          |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị dâu                                                              |
| 4.10           | Nguyễn Trung Linh                                         |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Em ruột                                                              |
| 5              | Nguyễn Công Chính                                         | 030C361080                                                                                     | Phó<br>TGD/Deputy<br>General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bỏ<br>nhiệm |                                                                      |
| 5.1            | Nguyễn Văn Ruệ                                            |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố đẻ                                                                |
| 5.2            | Phạm Thị Hoa                                              |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ (đã mất)                                                       |
| 5.3            | Tô Đình Khuê                                              |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố Vợ                                                                |
| 5.4            | Hoàng Thị Loan                                            |                                                                                                |                                                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 16/11/2018                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/ID card number/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/HC/ GCN ĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCN ĐKDN | Dịa chỉ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 5.5         | Tô Thị Phương                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Vợ                                                          |
| 5.6         | Nguyễn Phương Chính                                 |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 5.7         | Nguyễn Nam Khánh                                    |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 5.8         | Nguyễn Đức Thiện                                    |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Anh ruột                                                    |
| 5.9         | Trần Thị Hoài                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Chị dâu                                                     |
| 5.10        | Nguyễn Thị Thanh Mừng                               |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Em ruột                                                     |
| 5.11        | Phạm Quốc Trị                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/11/2018                                                                         |                                                                      |              | Em rể                                                       |
| III         | Ban kiểm soát                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 |                                                                                    |                                                                      |              |                                                             |
| 1           | Lê Thị Thùy                                         |                                                                              | Trưởng BKS/Head of Corporate Control Board  |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      | ĐHDCD bầu    |                                                             |
| 1.1         | Lê Đức Tuấn                                         |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 1.2         | Nguyễn Thị Lụa                                      |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 1.3         | An Đăng Tuyển                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Bố chồng                                                    |
| 1.4         | Bùi Thị Nhân                                        |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Mẹ chồng                                                    |
| 1.5         | An Đăng Quyền                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Chồng                                                       |
| 1.6         | Lê Anh Dũng                                         |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Anh ruột                                                    |
| 1.7         | Cao Thị Hoàng Lý                                    |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Chị dâu                                                     |
| 1.8         | An Đăng Quang                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 1.9         | An Hoàng Quân                                       |                                                                              |                                             |                                                                   |                                                                            |                                                                                 |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |

0139

CÔNG

CỔ PH

GR

PH

W

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company               | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 2           | Trần Thị Thanh Huyền                                |                                                                              | Thành viên BKS/Member of the company's board of directors |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      | ĐHDCĐ bầu    |                                                             |
| 2.1         | Trần Văn Toàn                                       |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 2.2         | Nguyễn Thị Thanh                                    |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 2.3         | Lê Đình Điền                                        |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                    |                                                                      |              | Bố chồng (đã mất)                                           |
| 2.4         | Đinh Thị Nén                                        |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                    |                                                                      |              | Mẹ chồng (đã mất)                                           |
| 2.5         | Lê Minh Thắng                                       |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Chồng                                                       |
| 2.6         | Lê Trần Ngọc Minh                                   |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 2.7         | Lê Huyền Linh                                       |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 2.8         | Lê Trần Liên Hoa                                    |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Con ruột                                                    |
| 2.9         | Trần Thanh Hương                                    | 003C126169                                                                   |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Em ruột                                                     |
| 2.10        | Phạm Đức Long                                       | 003C131416                                                                   |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 16/06/2022                                                                         |                                                                      |              | Em rể                                                       |
| 3           | Nguyễn Thu Hiền                                     |                                                                              | Thành viên BKS/Member of the company's                    |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      | ĐHDCĐ bầu    |                                                             |
| 3.1         | Nguyễn Đức Chiến                                    |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Bố đẻ                                                       |
| 3.2         | Nguyễn Thị Huân                                     |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Mẹ đẻ                                                       |
| 3.3         | Nguyễn Thị Thảo Linh                                |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Em ruột                                                     |
| 3.4         | Nguyễn Đức Hùng                                     |                                                                              |                                                           |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 28/03/2025                                                                         |                                                                      |              | Em ruột                                                     |

461  
 TỶ  
 LẦN  
 ĐUP  
 HẠ

W

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual           | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                                                                        | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Dịa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 4              | Nguyễn Ngọc Thắng                                                   | 074C000003                                                                                     | Thành viên<br>BKS/Member<br>of the<br>company's<br>board of<br>directors                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/3/2025                                                                        | Hết nhiệm kỳ     |                                                                      |
| 4.1            | Nguyễn Viết Dư                                                      |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Bố đẻ                                                                |
| 4.2            | Đinh Thị Toàn                                                       |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Mẹ đẻ                                                                |
| 4.3            | Vũ Thanh Hùng                                                       |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố vợ (đã mất)                                                       |
| 4.4            | Đới Thị Minh Thu                                                    |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Mẹ vợ                                                                |
| 4.5            | Vũ Hương Giang                                                      |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Vợ                                                                   |
| 4.6            | Nguyễn Vũ Phương Linh                                               |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Con ruột                                                             |
| 4.7            | Nguyễn Vũ Hà Phương                                                 |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Con ruột                                                             |
| 4.8            | Nguyễn Thanh Thủy                                                   |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Em ruột                                                              |
| 4.9            | Nguyễn Văn Bình                                                     |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 30/6/2012                                                                                            | 28/03/2025                                                                       |                  | Em rể                                                                |
| IV             | Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  |                                                                      |
| 1              | Nguyễn Hải Ninh                                                     |                                                                                                | Giám đốc Tài<br>chính, Người<br>được ủy quyền<br>CBTT/Chief<br>Financial<br>Officer,<br>Authorized<br>Disclosure<br>Officer |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                      |
| 1.1            | Nguyễn Văn Nghiên                                                   |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố đẻ (đã mất)                                                       |
| 1.2            | Phạm Thị Hiền                                                       |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                |
| 1.3            | Trần Huy Thiện                                                      |                                                                                                |                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố vợ                                                                |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1.4            | Phạm Thị Hòa                                              |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                |
| 1.5            | Nguyễn Hải Nam                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em trai                                                              |
| 1.6            | Đào Minh Hường                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em dâu                                                               |
| 1.7            | Trần Thị Thanh Hiền                                       |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                   |
| 1.8            | Trần Thị Quỳnh Anh                                        |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Em vợ                                                                |
| 1.9            | Nguyễn Trần Trung                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 12/06/2023                                                                                           |                                                                                  |                  | Con trai                                                             |
| 1.10           | Nguyễn Trần Minh Quân                                     |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Con trai                                                             |
| 2              | Trần Việt Dũng                                            | 052C105020                                                                                     | Kế toán<br>trưởng/Chief<br>Accountant                |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                      |
| 2.1            | Trần Văn Chính                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố đẻ                                                                |
| 2.2            | Nghiêm Đức Hạnh                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                |
| 2.3            | Trần Chu Thịnh                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố vợ                                                                |
| 2.4            | Nguyễn Thị Minh                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ vợ                                                                |
| 2.5            | Trần Hoài Thu                                             |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                   |
| 2.6            | Trần Nhật Nam                                             |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 2.7            | Trần Minh Khôi                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 2.8            | Trần Việt Phương                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Em ruột                                                              |
| 2.9            | Lý Thái Hà                                                |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 02/11/2012                                                                                           |                                                                                  |                  | Em dâu                                                               |
| 3              | Nguyễn Minh Sơn                                           | 006C009446                                                                                     | Trưởng ban<br>KTNB/Head of<br>Internal Audit         |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                      |
| 3.1            | Nguyễn Minh Biếc                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố đẻ (đã mất)                                                       |
| 3.2            | Nguyễn Thị Lài                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ (đã mất)                                                       |
| 3.3            | Nguyễn Văn Hùng                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Bố vợ                                                                |
| 3.4            | Bùi Thị Lý                                                |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Mẹ Vợ                                                                |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                              | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason     | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 3.5            | Nguyễn Ngọc Hải                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh ruột                                                             |
| 3.6            | Nông Thị Mai                                              |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị dâu                                                              |
| 3.7            | Nguyễn Thị Hòa                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị ruột                                                             |
| 3.8            | Trịnh Đức Vượng                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh rể                                                               |
| 3.9            | Nguyễn Ngọc Thanh                                         |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Anh ruột (đã mất)                                                    |
| 3.10           | Trần Thị Ngoan                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Chị dâu                                                              |
| 3.11           | Nguyễn Thanh Kỳ                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Anh ruột                                                             |
| 3.12           | Nguyễn Thị Trang                                          |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Vợ                                                                   |
| 3.13           | Nguyễn Minh Quỳnh Như                                     |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 3.14           | Nguyễn Quang Vinh                                         |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/10/2022                                                                                           |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 4              | Nguyễn Đăng Vinh                                          |                                                                                                | Thư ký, Người<br>PTQT Công<br>ty/Secretary,<br>Corporate<br>Governance<br>Officer |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 06/03/2025                                                                                           |                                                                                  | HDQT Bổ<br>nhiệm |                                                                      |
| 4.1            | Nguyễn Đăng Quyền                                         |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Bố đẻ (đã mất)                                                       |
| 4.2            | Lương Thị Thức                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Mẹ đẻ                                                                |
| 4.3            | Phạm Minh Hải                                             |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Vợ                                                                   |
| 4.4            | Nguyễn Đăng Anh                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 4.5            | Nguyễn Đăng Thái Anh                                      |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Con ruột                                                             |
| 4.6            | Nguyễn Đăng Hành                                          |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Anh trai                                                             |
| 4.7            | Phạm Thị Vân                                              |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Chị dâu                                                              |
| 4.8            | Nguyễn Thị Chính                                          |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Chị gái                                                              |
| 4.9            | Phạm Đức Lịch                                             |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Anh rể                                                               |
| 4.10           | Nguyễn Thị Tinh                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Chị gái                                                              |
| 4.11           | Đỗ Văn Khách                                              |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                  | Anh rể                                                               |

| STT/stat<br>us | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>Công<br>ty/Position at<br>the Company                              | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/The<br>starting point<br>is the person<br>concerned | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan/Time<br>is no longer<br>relevant | Lý do/Reason                | Mối quan hệ đối<br>với người nội<br>bộ/Relationship<br>with insiders |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 4.12           | Nguyễn Đăng Thông                                         |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh trai                                                             |
| 4.13           | Nguyễn Thị Hương                                          |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị dâu                                                              |
| 4.14           | Nguyễn Thị Thao                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                              |
| 4.15           | Bùi Bá Hóa                                                |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                               |
| 4.16           | Nguyễn Thị Thạo                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                              |
| 4.17           | Trần Hữu Cường                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                               |
| 4.18           | Nguyễn Thị Mỹ                                             |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Chị gái                                                              |
| 4.19           | Nguyễn Văn Dương                                          |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Anh rể                                                               |
| 4.20           | Phạm Văn Tông                                             |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Bố vợ                                                                |
| 4.21           | Nguyễn Thị Phương Mai                                     |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                                                                      |                                                                                  |                             | Mẹ vợ (đã mất)                                                       |
| 5              | Trần Phụng Dư                                             | 009C900737                                                                                     | Thư ký, Người<br>PTQT Công<br>ty/Secretary,<br>Corporate<br>Governance<br>Officer |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       | Theo nguyên<br>vọng cá nhân |                                                                      |
| 5.1            | Trần Duẩn                                                 |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Bố đẻ                                                                |
| 5.2            | Nguyễn Thị Thu                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Mẹ đẻ                                                                |
| 5.3            | Phạm Bá Quý                                               |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Bố vợ                                                                |
| 5.4            | Phí Thị Kim                                               |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Mẹ vợ                                                                |
| 5.5            | Phạm Ngọc Minh                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Vợ                                                                   |
| 5.6            | Trần Phương Anh                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Con ruột                                                             |
| 5.7            | Trần Minh Hoàng                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Con ruột                                                             |
| 5.8            | Trần Ruby Phụng                                           |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Con ruột                                                             |
| 5.9            | Trần Kim Dung                                             |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Chị ruột                                                             |
| 5.10           | Trần Mai Duyên                                            |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Em ruột                                                              |
| 5.11           | Đỗ Thế Hưng                                               |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 25/06/2018                                                                                           | 06/03/2025                                                                       |                             | Em rể                                                                |

| STT/stat us | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/The starting point is the person concerned | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time is no longer relevant | Lý do/Reason | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship with insiders |
|-------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 5.12        | Trần Minh Thương                                    |                                                                              |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 25/06/2018                                                                         | 06/03/2025                                                           |              | Em ruột                                                     |
| 5.13        | Nguyễn Hương Thảo                                   |                                                                              |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 | 25/06/2018                                                                         | 06/03/2025                                                           |              | Em dâu                                                      |


  
 T.C.P



**CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY**

**PHỤ LỤC VII.2/APPENDIX VII.2**

**DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF**

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NCLQ CỦA CÔNG TY/GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NCLQ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS RELATED PERSONS/BETWEEN THE COMPANY AND MAJOR SHAREHOLDERS, INSIDERS, AND RELATED PERSONS OF INSIDERS**

*(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)*

| STT/St<br>atus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/indi<br>vidual | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship with<br>the company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCND<br>KDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date<br>of issue of ID<br>card/CCCD/H<br>C/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/G<br>CNĐKDN/Pl<br>ace of<br>issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/HĐQT thông<br>qua (nếu có ghi rõ ngày ban<br>hành)/Resolution/Decision<br>number approved by the<br>General Meeting of<br>Shareholders/Board of<br>Directors (if any, clearly<br>state the date of issuance) | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá trị<br>giao<br>dịch/Content,<br>quantity, total<br>transaction value | Ghi chú/Note |
|----------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|                |                                                               |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |              |
|                |                                                               |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |              |
|                |                                                               |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |              |
|                |                                                               |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |              |
|                |                                                               |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |              |
|                |                                                               |                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                         |                 |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |              |

*Ghi chú/Note: Không có số liệu phát sinh/No data generated*

*W*



CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY

**PHỤ LỤC VII.3/APPENDIX VII.3**

**DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF**

**GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NCLQ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NÀM QUYỀN KIỂM SOÁT/TRANSACTIONS BETWEEN INSIDERS, RELATED PERSONS OF INSIDERS AND SUBSIDIARIES, COMPANIES CONTROLLED BY THE COMPANY**

*(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)*

| STT/Status | Người thực hiện giao dịch/The person who makes the transaction | Quan hệ với người nội bộ/Insider Relations | Chức vụ tại Công ty/Position at the Company | Số giấy CMND/ CCCD/HC/GCN ĐKDNID card number/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Date of issue of ID card/CCCD/H C/GCNĐKDN | Nơi cấp CMND/ CCCD/HC/GC NĐKDN/Place of issuance of ID card/ CCCD/ HC/ GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Tên công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát/Name of subsidiary, Company controlled by the listed Company | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/Content, quantity, total transaction value | Ghi chú/Note |
|------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|            |                                                                |                                            |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                                                      |                                                                                       |              |
|            |                                                                |                                            |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                                                      |                                                                                       |              |
|            |                                                                |                                            |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                                                      |                                                                                       |              |
|            |                                                                |                                            |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                                                      |                                                                                       |              |
|            |                                                                |                                            |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                                                      |                                                                                       |              |
|            |                                                                |                                            |                                             |                                                                 |                                                                           |                                                                                |                 |                                                                                                                      |                                                                                       |              |

*Ghi chú/Note: Không có số liệu phát sinh/No data generated*

*W2*

## PHỤ LỤC VIII.1/APPENDIX VIII.1

## DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF

Danh sách NNB và NCLQ của NNB/The list of internal persons and their affiliated persons/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company  | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNDKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNDKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNDKDN | Địa chỉ/Address                                                               | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1              | 2                                                         | 3                                                                                              | 4                                                  | 5                                                                           | 6                                                                                           | 7                                                                                                   | 8                                                                             | 9                                                           | 10                                                                            | 11             |
| <b>I</b>       | <b>Hội đồng quản trị</b>                                  |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               |                |
| <b>1</b>       | <b>Bùi Quang Bách</b>                                     |                                                                                                | <b>Chủ tịch<br/>HDQT/Chairman<br/>of the Board</b> | <b>001076004038</b>                                                         | <b>19/04/2021</b>                                                                           | <b>Cục Cảnh sát</b>                                                                                 | <b>Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội</b>                      | <b>0</b>                                                    | <b>0%</b>                                                                     |                |
| 1.1            | Bùi Viết Quỳnh                                            |                                                                                                |                                                    | 025046000122                                                                | 19/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 1.2            | Nguyễn Thị Mẫn                                            |                                                                                                |                                                    | 035147001416                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 1.3            | Nguyễn Thị Thu Hà                                         |                                                                                                |                                                    | 001176030312                                                                | 16/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 1.4            | Bùi Hà Chi                                                |                                                                                                |                                                    | 001305019702                                                                | 19/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             |                                                             |                                                                               | Con gái        |
| 1.5            | Bùi Hoàng Nam                                             |                                                                                                |                                                    | 001208066668                                                                | 10/04/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 23, ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội                             |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 1.6            | Bùi Quỳnh Vân                                             |                                                                                                |                                                    | 001180004383                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội                   |                                                             |                                                                               | Em gái         |
| 1.7            | Trương Ngọc Minh                                          |                                                                                                |                                                    | 001080030414                                                                | 16/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 30, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội                   |                                                             |                                                                               | Em rể          |
| 1.8            | Nguyễn Thế Phong                                          |                                                                                                |                                                    | 033049000479                                                                | 10/02/2023                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 3, Tổ 6, phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội                                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 1.9            | Nguyễn Thị Mây                                            |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ (đã mất) |
| 1.10           | CTCP Chứng khoán Quốc gia                                 |                                                                                                | TV HDQT/Board Member                               | Giấy phép HKKD số 27/UBCK-GPHĐKD                                            | 15/12/2006                                                                                  | UBCKNN                                                                                              | Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, Yên Kiêu, Hà Đông, Hà Nội | 513,000                                                     | 0.45%                                                                         | TV HDQT        |



| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                                | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note                       |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1.11           | CTCP SAM Holdings                                         |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                           | ĐKKD số<br>3600253537                                                       | 30/03/1998                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>TPHCM                                                                                   | 127 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh,<br>TPHCM                                        |                                                             |                                                                               | TV HĐQT độc lập,<br>Kiêm TV UBKTNB |
| 1.12           | CTCP Bất động sản<br>Capella                              |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                           | 0106840552                                                                  | 06/05/2015                                                                                  | Sở KH&ĐT Hà<br>Nội                                                                                  | Tầng 6, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An,<br>Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội               |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                            |
| 1.13           | CTCP TASCO                                                |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                           | 600264117                                                                   | 26/12/2007                                                                                  | Sở KH&ĐT Hà<br>Nội                                                                                  | Tòa nhà Tasco, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                                  |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                            |
| 2              | Phương Xuân Thụy                                          | 052C123363                                                                                     | TV HĐQT/Board<br>Member                           | 027077000245                                                                | 31/03/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          | 0                                                           | 0%                                                                            |                                    |
| 2.1            | Phương Xuân Thịnh                                         |                                                                                                |                                                   | 012837464                                                                   |                                                                                             | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Bố đẻ                              |
| 2.2            | Nguyễn Thị Lan                                            |                                                                                                |                                                   | 027049000080                                                                | 26/10/2016                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ                              |
| 2.3            | Phương Thừa Vũ                                            |                                                                                                |                                                   | 012425915                                                                   | 16/04/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Anh ruột                           |
| 2.4            | Phương Quốc Vĩnh                                          |                                                                                                |                                                   | 012476196                                                                   | 09/01/2007                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Anh ruột                           |
| 2.5            | Lê Thị Như Mai                                            |                                                                                                |                                                   | 125006204                                                                   | 30/06/2015                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Chị dâu                            |
| 2.6            | Phương Minh Huệ                                           |                                                                                                |                                                   | 012400442                                                                   | 12/03/2012                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Chị ruột                           |
| 2.7            | Nguyễn Bá Cảnh                                            |                                                                                                |                                                   | 012476173                                                                   | 24/09/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Anh rể                             |
| 2.8            | Đỗ Thị Ngọc Hà                                            |                                                                                                |                                                   | 024177001233                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Vợ                                 |
| 2.9            | Phương Minh Thái                                          |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Con đẻ                             |
| 2.10           | Phương Đỗ Thái Dương                                      |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 24/31 Vân Đồn, Bạch Đằng, HBT, Hà Nội                                                          |                                                             |                                                                               | Con đẻ                             |
| 2.11           | Đỗ Ngọc Dũng                                              |                                                                                                |                                                   | 125494505                                                                   | 16/12/2008                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | Kim Động, TT Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh                                                         |                                                             |                                                                               | Bố vợ                              |
| 2.12           | Phạm Thị Huệ                                              |                                                                                                |                                                   | 125476512                                                                   | 10/04/2009                                                                                  | CA Bắc Ninh                                                                                         | Kim Động, TT Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh                                                         |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ                              |
| 2.13           | Công ty CP Đầu tư Infinity<br>Group                       |                                                                                                | Chủ tịch<br>HĐQT/Chairman<br>of the Board         | 0107645709                                                                  | 25/11/2016                                                                                  | Sở KH&ĐT Hà<br>Nội                                                                                  | Tầng 6 toà nhà Samsora Premier số 105 đường Chu Văn<br>An, phường Yết Kiêu, Hà Đông, TP Hà Nội |                                                             |                                                                               | Chủ tịch HĐQT kiêm<br>TGD          |
| 2.14           | CTCP SACOM Tuyển Lâm                                      |                                                                                                | Chủ tịch<br>HĐQT/Chairman<br>of the Board         | 5800855363                                                                  | 13/07/2016                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>Lâm Đồng                                                                                | Khu chức năng số 7 và 8, khu DL Hồ Tuyển Lâm,<br>phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng            |                                                             |                                                                               | Chủ tịch HĐQT                      |
| 2.15           | CTCP Dịch vụ Du lịch Phú<br>Thọ                           |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                           | 0301074118                                                                  | 21/07/2006                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>TPHCM                                                                                   | 15 đường số 2, Cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, TP<br>Hồ Chí Minh                             |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                            |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                                                      | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                               | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note      |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 2.16           | CTCP SAM Holdings                                         |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                                                                                                | 3600253537                                                                  | 30/03/1998                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>TPHCM                                                                                   | 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, Tp.<br>Hồ Chí Minh              |                                                             |                                                                               | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 2.17           | CTCP Công viên nước<br>Đầm Sen                            |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                                                                                                | 4103001384                                                                  | 13/02/2003                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>TPHCM                                                                                   | 03 Hoà Bình, Phường 3, Quận 11, TP.HCM                                        |                                                             |                                                                               | TV HĐQT           |
| <b>3</b>       | <b>Đỗ Lê Minh</b>                                         |                                                                                                | <b>TV HĐQT/Board<br/>Member</b>                                                                                        | <b>001186009285</b>                                                         | <b>06/03/2023</b>                                                                           | <b>Cục Cảnh sát</b>                                                                                 | <b>72D, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội</b>                                  | <b>0</b>                                                    | <b>0%</b>                                                                     |                   |
| 3.1            | Đỗ Văn Bích                                               |                                                                                                |                                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất)    |
| 3.2            | Lê Thị Lan                                                |                                                                                                |                                                                                                                        | 001155033183                                                                | 24/06/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                          |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ             |
| 3.3            | Phương Hữu Việt                                           |                                                                                                |                                                                                                                        | 027064000264                                                                | 31/12/2024                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                          |                                                             |                                                                               | Chồng             |
| 3.4            | Phương Hồng Minh                                          |                                                                                                |                                                                                                                        | 001306036733                                                                | 04/06/2023                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 72D Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                          |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 3.5            | Phương Quốc Bình                                          |                                                                                                |                                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Còn nhỏ           |
| 3.6            | Phương Việt Linh                                          |                                                                                                |                                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Còn nhỏ           |
| 3.7            | Đỗ Minh Ngọc                                              |                                                                                                |                                                                                                                        | 001180021979                                                                | 10/10/2024                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 49 ngõ 193 Trung Kính, Tổ 32 Yên Hòa, Cầu Giấy                             |                                                             |                                                                               | Chị ruột          |
| 3.8            | Phương Xuân Hòa                                           |                                                                                                |                                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Bố chồng (đã mất) |
| 3.9            | Lương Thị Bền                                             |                                                                                                |                                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Mẹ chồng (đã mất) |
| <b>4</b>       | <b>Trần Như Trung</b>                                     |                                                                                                | <b>TV. HĐQT kiêm<br/>TGD Công<br/>ty/Board<br/>Member and<br/>concurrently<br/>General Director<br/>of the Company</b> | <b>004071006732</b>                                                         | <b>02/05/2021</b>                                                                           | <b>Cục Cảnh sát</b>                                                                                 | <b>P207, G6, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội</b>                           | <b>0</b>                                                    | <b>0%</b>                                                                     |                   |
| 4.1            | Trần Đình Viện                                            |                                                                                                |                                                                                                                        | 040036000226                                                                | 10/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh<br>Xuân - Hà Nội           |                                                             |                                                                               | Bố đẻ             |
| 4.2            | Đặng Hồng Thuý                                            |                                                                                                |                                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất)    |
| 4.3            | Trần Bạch Giang                                           |                                                                                                |                                                                                                                        | 042049000186                                                                | 05/08/2022                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân<br>Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. |                                                             |                                                                               | Bố vợ             |
| 4.4            | Nguyễn Thị Tính                                           |                                                                                                |                                                                                                                        | 001148011623                                                                | 02/05/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | P12A11 nhà 18T1, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Nhân<br>Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ             |
| 4.5            | Trần Anh Hoa                                              |                                                                                                |                                                                                                                        | 040164000356                                                                | 27/03/2019                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 12/41 - Bùi Xương Trạch, Khương Trung, Thanh Xuân,<br>Hà Nội                  |                                                             |                                                                               | Chị gái           |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                                                       | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                            | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 4.6            | Võ Thanh Quỳnh                                            |                                                                                                |                                                                                                                         | 040059000551                                                                | 10/07/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 12/41 - Bùi Xương Trạch, Khương Trung, Thanh Xuân,<br>Hà Nội                               |                                                             |                                                                               | Anh rể       |
| 4.7            | Trần An Lộc                                               |                                                                                                |                                                                                                                         | BD3461765                                                                   | 26/05/2020                                                                                  | Slovakia                                                                                            | Slovakia                                                                                   |                                                             |                                                                               | Chị gái      |
| 4.8            | Lê Hồng Quang                                             |                                                                                                |                                                                                                                         | BA0434744                                                                   | 19/08/2015                                                                                  | Slovakia                                                                                            | Slovakia                                                                                   |                                                             |                                                                               | Anh rể       |
| 4.9            | Trần Như Dũng                                             |                                                                                                |                                                                                                                         | 040076000071                                                                | 10/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh<br>Xuân - Hà Nội                        |                                                             |                                                                               | Em trai      |
| 4.10           | Nguyễn Thị Châu                                           |                                                                                                |                                                                                                                         | 040187002306                                                                | 10/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 6 Dãy N7 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Trung - Thanh<br>Xuân - Hà Nội                        |                                                             |                                                                               | Em dâu       |
| 4.11           | Trần Hồng Việt                                            | 105C525511                                                                                     |                                                                                                                         | 001174004049                                                                | 17/04/2015                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 1/140 Khuất Duy Tiên, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà<br>Nội                                    |                                                             |                                                                               | Vợ           |
| 4.12           | Trần Hoàng Nam                                            | 1048145                                                                                        |                                                                                                                         | 001083007276                                                                | 24/08/2022                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | P12A11 nhà 18T1 kdt Trung hoà Nhân Chính - phường<br>Nhân Chính - Thanh Xuân, Hà Nội.      |                                                             |                                                                               | Em vợ        |
| 4.13           | Trần Hoàng Khánh Linh                                     |                                                                                                |                                                                                                                         | 001306055764                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 1/140 Khuất Duy Tiên, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà<br>Nội                                    |                                                             |                                                                               | Con gái      |
| 4.14           | Trần Việt Anh                                             |                                                                                                |                                                                                                                         | 001201013989                                                                | 08/04/2016                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | 1/140 Khuất Duy Tiên, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà<br>Nội                                    |                                                             |                                                                               | Con trai     |
| 5              | Nguyễn Việt Cường                                         | 058C153366                                                                                     | TV. HĐQT kiêm<br>Phó TGD Công<br>ty/Board<br>Member and<br>concurrently<br>Deputy General<br>Director of the<br>Company | 026077004285                                                                | 19/05/2023                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | TT3-03 KĐT mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại<br>Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.                       | 0                                                           | 0%                                                                            |              |
| 5.1            | Nguyễn Văn Cưu                                            | -                                                                                              |                                                                                                                         | 026044000626                                                                | 24/06/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc                                                      |                                                             |                                                                               | Bố đẻ        |
| 5.2            | Nguyễn Thị Húng                                           | -                                                                                              |                                                                                                                         | 026145001062                                                                | 24/06/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc                                                      |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ        |
| 5.3            | Trịnh Thanh Hằng                                          | 058C566983                                                                                     |                                                                                                                         | 001185042305                                                                | 24/08/2002                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại<br>Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. |                                                             |                                                                               | Vợ           |
| 5.4            | Nguyễn Hà Vy                                              | -                                                                                              |                                                                                                                         | 001305001052                                                                | 13/05/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Số 10 đường Thanh Niên, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội                                            |                                                             |                                                                               | Con gái      |
| 5.5            | Nguyễn Việt Bách                                          | -                                                                                              |                                                                                                                         | 001208062555                                                                | 24/08/2022                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại<br>Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. |                                                             |                                                                               | Con trai     |
| 5.6            | Nguyễn Kim Cát Tiên                                       |                                                                                                |                                                                                                                         |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | TT3-03 Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại<br>Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. |                                                             |                                                                               | Con gái      |
| 5.7            | Nguyễn Thị An Huy                                         |                                                                                                |                                                                                                                         |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Cộng hòa Liên bang Đức                                                                     |                                                             |                                                                               | Chị gái      |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company              | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                            | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 5.8            | Nguyễn Văn Bảo                                            |                                                                                                |                                                                |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Cộng hòa Liên bang Đức                                                                     |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 5.9            | Nguyễn Thị Thanh Hương                                    |                                                                                                |                                                                | 026173000804                                                                | 19/08/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                               |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 5.10           | Lê Minh Anh                                               |                                                                                                |                                                                | 001064032037                                                                | 11/07/2022                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                               |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 5.11           | Nguyễn Đức Quang                                          |                                                                                                |                                                                | 026080005427                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                               |                                                             |                                                                               | Em trai        |
| 5.12           | Cao Thị Kim Thành                                         |                                                                                                |                                                                | 026187004379                                                                | 25/08/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Phố Chùa Hà, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                               |                                                             |                                                                               | Em dâu         |
| 5.13           | Trịnh Hữu Thêm                                            | -                                                                                              |                                                                | 001059032000                                                                | 10/07/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận<br>Đống Đa, Thành phố Hà Nội           |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 5.14           | Nguyễn Thanh Huyền                                        | 058C191168                                                                                     |                                                                | 001168017365                                                                | 29/07/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Số 18, ngõ 26 Phố Kim Hoa, Phường Phương Liên, Quận<br>Đống Đa, Thành phố Hà Nội           |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ          |
| 5.15           | CTCP SJ Dịch vụ                                           |                                                                                                | Chủ tịch HĐQT                                                  | 0103018998                                                                  | 10/08/2007                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>TP Hà Nội                                                                               | Tầng M3, Tòa nhà CT1, KĐT Mỹ Đình, phường Mỹ<br>Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội |                                                             |                                                                               | Chủ tịch HĐQT  |
| 5.16           | CTCP SUDICO Hòa Bình                                      |                                                                                                | TV HĐQT                                                        | 5400352196                                                                  | 25/09/2010                                                                                  | Sở KH&ĐT<br>tỉnh Hòa Bình                                                                           | Khu đất DV1-2, Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo, ngõ<br>323 đường Trần Hưng Đạo, Hòa Bình      |                                                             |                                                                               | TV HĐQT        |
| <b>II</b>      | <b>Ban Tổng giám đốc</b>                                  |                                                                                                |                                                                |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                            |                                                             |                                                                               |                |
| <b>1</b>       | <b>Trần Như Trung (như<br/>mục I)</b>                     |                                                                                                | <b>TGD Công<br/>ty/General<br/>Director of the<br/>Company</b> |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                            |                                                             |                                                                               |                |
| <b>2</b>       | <b>Nguyễn Việt Cường (như<br/>mục I)</b>                  |                                                                                                | <b>Phó TGD/Deputy<br/>General Director<br/>of the Company</b>  |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                            |                                                             |                                                                               |                |
| <b>3</b>       | <b>Trần Oanh</b>                                          |                                                                                                | <b>Phó TGD/Deputy<br/>General Director<br/>of the Company</b>  | <b>001077022177</b>                                                         | <b>25/02/2019</b>                                                                           | <b>Cục Cảnh sát</b>                                                                                 | <b>Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung,<br/>Thanh Xuân, Hà Nội</b>               | <b>0</b>                                                    | <b>0%</b>                                                                     |                |
| 3.1            | Trần Văn Hoạch                                            |                                                                                                |                                                                | 036049002184                                                                | 01/03/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung,<br>Thanh Xuân, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 3.2            | Nguyễn Thị Thành                                          |                                                                                                |                                                                | 001151008132                                                                | 09/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung,<br>Thanh Xuân, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 3.3            | Cao Thế Tâm                                               |                                                                                                |                                                                |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                            |                                                             |                                                                               | Bố vợ (đã mất) |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company    | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                      | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 3.4            | Nguyễn Thị Oanh                                           |                                                                                                |                                                      | 001150010024                                                                | 23/03/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 12, Dãy H5, Khu tập thể Bà Triệu, Hà Đông, Hà nội                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 3.5            | Cao Thị Thu Anh                                           |                                                                                                |                                                      | 001177017084                                                                | 30/03/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội    |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 3.6            | Trần Tuấn Linh                                            |                                                                                                |                                                      | 001206021522                                                                | 09/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội    |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 3.7            | Trần Bảo Anh                                              |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội    |                                                             |                                                                               | Con gái        |
| 3.8            | Trần Tuấn Minh                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Số nhà 17 ngõ 131 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội    |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 3.9            | Trần Thị Lan                                              |                                                                                                |                                                      | 001174037277                                                                | 10/07/2021                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng - Đống Đa, Hà Nội            |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 3.10           | Cao Hồng Giang                                            |                                                                                                |                                                      | 001063042037                                                                | 10/07/2021                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | P7 nhà 4C khu TT Nam Đồng - P. Nam Đồng - Đống Đa, Hà Nội            |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 3.11           | Trần Thị Thanh Huệ                                        |                                                                                                |                                                      | 001181032281                                                                | 25/04/2021                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà nội                      |                                                             |                                                                               | Em gái         |
| 3.12           | Nguyễn Tiến Dũng                                          | 002C082880<br>Sân SBC                                                                          |                                                      | 001076031002                                                                | 25/04/2021                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Tổ 19, cụm 3, Phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà nội                      |                                                             |                                                                               | Em rể          |
| 4              | Nguyễn Trần Dũng                                          |                                                                                                | Phó TGD/Deputy<br>General Director<br>of the Company | 001071017967                                                                | 26/06/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                                | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 4.1            | Nguyễn Minh Trí                                           |                                                                                                |                                                      | 001045005245                                                                | 19/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, HN |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 4.2            | Trần Thị Hội                                              |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                      |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất) |
| 4.3            | Hồ Quang An                                               |                                                                                                |                                                      | 001055000003                                                                | 17/07/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, HN                     |                                                             |                                                                               | Bố Vợ          |
| 4.4            | Vũ Thị Hoa                                                |                                                                                                |                                                      | 001156009790                                                                | 23/05/2018                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 172 ngõ chợ Khâm Thiên, Trung Phụng, Đống Đa, HN                     |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 4.5            | Hồ Thu Hằng                                               |                                                                                                |                                                      | 001177048176                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                               |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 4.6            | Nguyễn Hồ Quỳnh Anh                                       |                                                                                                |                                                      | 001303026221                                                                | 10/07/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                               |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.7            | Nguyễn Hồ Đức                                             |                                                                                                |                                                      | 001206000039                                                                | 06/07/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 82B, Yên Bình, Phúc La, Hà Đông Hà Nội                               |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.8            | Nguyễn Trần Tuệ                                           |                                                                                                |                                                      | 001068022800                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội      |                                                             |                                                                               | Anh ruột       |
| 4.9            | Bùi Thị Thu Thủy                                          |                                                                                                |                                                      | 037186007169                                                                | 08/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2901 CT4B Khu nhà ở Xala, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội      |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company    | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                         | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 4.10           | Nguyễn Trung Linh                                         |                                                                                                |                                                      | 001089032283                                                                | 27/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P212D, khu ba tầng, đường Lê Hồng Phong, P. Nguyễn<br>Trãi, Hà Đông, HN |                                                             |                                                                               | Em ruột        |
| 5              | Nguyễn Công Chính                                         | 030C361080                                                                                     | Phó TGD/Deputy<br>General Director<br>of the Company | 013579109                                                                   | 19/07/2012                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Tổ dân phố Phú Hà, phường Tây Mỗ, Nam Từ Liêm,<br>Hà Nội                | 52                                                          | 0.0000%                                                                       |                |
| 5.1            | Nguyễn Văn Ruệ                                            |                                                                                                |                                                      | 034054019002                                                                | 24/06/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Lưu Phương, xã Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình                           |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 5.2            | Phạm Thị Hoa                                              |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                         |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất) |
| 5.3            | Tô Đình Khuê                                              |                                                                                                |                                                      | 034056005904                                                                | 22/09/2020                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Bố Vợ          |
| 5.4            | Hoàng Thị Loan                                            |                                                                                                |                                                      | 034159002459                                                                | 10/09/2019                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 5.5            | Tô Thị Phương                                             |                                                                                                |                                                      | 034179002288                                                                | 29/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 5.6            | Nguyễn Phương Chinh                                       |                                                                                                |                                                      | 001305005023                                                                | 13/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 5.7            | Nguyễn Nam Khánh                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Phú Hà, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 5.8            | Nguyễn Đức Thiện                                          |                                                                                                |                                                      | 034078009723                                                                | 10/05/2020                                                                                  | CA Thái Bình                                                                                        | Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình                              |                                                             |                                                                               | Anh ruột       |
| 5.9            | Trần Thị Hoài                                             |                                                                                                |                                                      | 034179002605                                                                | 20/01/2016                                                                                  | CA Thái Bình                                                                                        | Lưu Phương, Tây Phong, Tiền Hải, Thái Bình                              |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 5.10           | Nguyễn Thị Thanh Mừng                                     |                                                                                                |                                                      | 034186016131                                                                | 05/10/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                            |                                                             |                                                                               | Em ruột        |
| 5.11           | Phạm Quốc Trị                                             |                                                                                                |                                                      | 034086008726                                                                | 26/04/2018                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | TDP 3, Miêu Nha, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                            |                                                             |                                                                               | Em rể          |
| III            | Ban kiểm soát                                             |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                         |                                                             |                                                                               |                |
| 1              | Lê Thị Thùy                                               |                                                                                                | Trưởng<br>BKS/Head of<br>Corporate<br>Control Board  | 030180008871                                                                | 15/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm,<br>Hà Nội                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 1.1            | Lê Đức Tuấn                                               |                                                                                                |                                                      | 140221452                                                                   | 27/08/2012                                                                                  | CA Hải Dương                                                                                        | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 1.2            | Nguyễn Thị Lụa                                            |                                                                                                |                                                      | 140221664                                                                   | 15/12/2007                                                                                  | CA Hải Dương                                                                                        | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 1.3            | An Đăng Tuyển                                             |                                                                                                |                                                      | 030052001044                                                                | 09/05/2017                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương                                |                                                             |                                                                               | Bố chồng       |
| 1.4            | Bùi Thị Nhân                                              |                                                                                                |                                                      | 030077008127                                                                | 17/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, Hải Dương                                |                                                             |                                                                               | Mẹ chồng       |
| 1.5            | An Đăng Quyền                                             |                                                                                                |                                                      | 030077008127                                                                | 06/03/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà<br>Nội                 |                                                             |                                                                               | Chồng          |
| 1.6            | Lê Anh Dũng                                               |                                                                                                |                                                      | 030078002204                                                                | 26/10/2016                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột       |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                     | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                                | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note      |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1.7            | Cao Thị Hoàng Lý                                          |                                                                                                |                                                                       | C3583865                                                                    | 07/06/2017                                                                                  | Cục XNC                                                                                             | Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, Hải Dương                                        |                                                             |                                                                               | Chị dâu           |
| 1.8            | An Đăng Quang                                             |                                                                                                |                                                                       | 030205000482                                                                | 05/07/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà<br>Nội                        |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 1.9            | An Hoàng Quân                                             |                                                                                                |                                                                       |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | TDP Văn Trì 4, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà<br>Nội                        |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2              | Trần Thị Thanh Huyền                                      |                                                                                                | Thành viên<br>BKS/Member of<br>the company's<br>board of<br>directors | 001176041339                                                                | 20/11/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, phường Trung<br>Phụng, Đống Đa, Hà Nội      | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 2.1            | Trần Văn Toàn                                             |                                                                                                |                                                                       | 008050000041                                                                | 04/06/2020                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội                                       |                                                             |                                                                               | Bố đẻ             |
| 2.2            | Nguyễn Thị Thanh                                          |                                                                                                |                                                                       | 038150005817                                                                | 04/06/2020                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 26 ngõ 344, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội                                       |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ             |
| 2.3            | Lê Đình Diễm                                              |                                                                                                |                                                                       |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                |                                                             |                                                                               | Bố chồng (đã mất) |
| 2.4            | Đinh Thị Nén                                              |                                                                                                |                                                                       |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                                |                                                             |                                                                               | Mẹ chồng (đã mất) |
| 2.5            | Lê Minh Thắng                                             |                                                                                                |                                                                       | 011958537                                                                   | 03/08/2010                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng,<br>Đống Đa, Hà Nội             |                                                             |                                                                               | Chồng             |
| 2.6            | Lê Trần Ngọc Minh                                         |                                                                                                |                                                                       | 001201002389                                                                | 06/08/2015                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng,<br>Đống Đa, Hà Nội             |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.7            | Lê Huyền Linh                                             |                                                                                                |                                                                       | 001305002501                                                                | 19/07/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng,<br>Đống Đa, Hà Nội             |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.8            | Lê Trần Liên Hoa                                          |                                                                                                |                                                                       |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Số 102 ngõ 218 phố chợ Khâm Thiên, Trung Phụng,<br>Đống Đa, Hà Nội             |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.9            | Trần Thanh Hương                                          | 003C126169                                                                                     |                                                                       | 001179000281                                                                | 08/02/2013                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ 173 Trung<br>Kính, Cầu Giấy, Hà nội |                                                             |                                                                               | Em ruột           |
| 2.10           | Phạm Đức Long                                             | 003C131416                                                                                     |                                                                       | 022077001943                                                                | 23/11/2017                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P110 nhà E khu tập thể T36 Bộ Công An, ngõ 173 Trung<br>Kính, Cầu Giấy, Hà nội |                                                             |                                                                               | Em rể             |
| 3              | Nguyễn Thu Hiền                                           |                                                                                                | Thành viên<br>BKS/Member of<br>the company's<br>board of<br>directors | 030195010125                                                                | 25/8/2021                                                                                   | Cục CS QLHC<br>về TTXH                                                                              | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                                        | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual           | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                                                        | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                        | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 3.1            | Nguyễn Đức Chiến                                                    |                                                                                                |                                                                                                                          | 030070022974                                                                | 24/02/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 3.2            | Nguyễn Thị Huân                                                     |                                                                                                |                                                                                                                          | 030175002845                                                                | 25/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 3.3            | Nguyễn Thị Thảo Linh                                                |                                                                                                |                                                                                                                          | 030302002210                                                                | 14/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                |                                                             |                                                                               | Em ruột        |
| 3.4            | Nguyễn Đức Hùng                                                     |                                                                                                |                                                                                                                          | 030291709006                                                                | 14/04/2023                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Phí Xá, Cẩm Hoàng, Cẩm Giàng, Hải Dương                |                                                             |                                                                               | Em ruột        |
| IV             | Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty |                                                                                                |                                                                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                        |                                                             |                                                                               |                |
| 1              | Nguyễn Hải Ninh                                                     |                                                                                                | Giám đốc Tài<br>chính, Người<br>được ủy quyền<br>CBTT/Chief<br>Financial Officer,<br>Authorized<br>Disclosure<br>Officer | 004073007746                                                                | 07/08/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                      | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 1.1            | Nguyễn Văn Nghiên                                                   |                                                                                                |                                                                                                                          |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                        |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất) |
| 1.2            | Phạm Thị Hiền                                                       |                                                                                                |                                                                                                                          | 011813084                                                                   | 20/04/2014                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội                             |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 1.3            | Trần Huy Thiện                                                      |                                                                                                |                                                                                                                          | 001042005036                                                                | 16/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 1.4            | Phạm Thị Hòa                                                        |                                                                                                |                                                                                                                          | 001148002338                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 1.5            | Nguyễn Hải Nam                                                      |                                                                                                |                                                                                                                          | 001087002491                                                                | 22/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội                     |                                                             |                                                                               | Em trai        |
| 1.6            | Đào Minh Hường                                                      |                                                                                                |                                                                                                                          | 001196004695                                                                | 11/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Tổ 20, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội                     |                                                             |                                                                               | Em dâu         |
| 1.7            | Trần Thị Thanh Hiền                                                 |                                                                                                |                                                                                                                          | 001175000421                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 1.8            | Trần Thị Quỳnh Anh                                                  |                                                                                                |                                                                                                                          | 001187002693                                                                | 02/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Em vợ          |
| 1.9            | Nguyễn Trần Trung                                                   |                                                                                                |                                                                                                                          | 001099008410                                                                | 15/07/2015                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 1.10           | Nguyễn Trần Minh Quân                                               |                                                                                                |                                                                                                                          | 001203002988                                                                | 01/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 35 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 2              | Trần Việt Dũng                                                      | 052C105020                                                                                     | Kế toán<br>trưởng/Chief<br>Accountant                                                                                    | 001081003926                                                                | 25/7/2021                                                                                   | Cục Cảnh sát                                                                                        | 06 Lê Thánh Tông, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà<br>Nội | 3,912                                                       | 0.003%                                                                        |                |
| 2.1            | Trần Văn Chính                                                      |                                                                                                |                                                                                                                          | 037051000717                                                                | 27/05/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN               |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                               | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note      |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 2.2            | Nghiêm Đức Hạnh                                           |                                                                                                |                                                   | 019152000126                                                                | 27/05/2019                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN                                      |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ             |
| 2.3            | Trần Chu Thịnh                                            |                                                                                                |                                                   | 011402196                                                                   | 28/05/2011                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội                                       |                                                             |                                                                               | Bố vợ             |
| 2.4            | Nguyễn Thị Minh                                           |                                                                                                |                                                   | 001164007937                                                                | 13/09/2016                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Nhà N13 tổ 8 Dịch Vọng, Cầu Giấy Hà Nội                                       |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ             |
| 2.5            | Trần Hoài Thu                                             |                                                                                                |                                                   | 001186038719                                                                | 24/04/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Vợ                |
| 2.6            | Trần Nhật Nam                                             |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.7            | Trần Minh Khôi                                            |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội                                     |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.8            | Trần Việt Phương                                          |                                                                                                |                                                   | 001086014154                                                                | 09/07/2016                                                                                  | Hà Nội                                                                                              | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN                                      |                                                             |                                                                               | Em ruột           |
| 2.9            | Lý Thái Hà                                                |                                                                                                |                                                   | 001188011413                                                                | 03/03/2017                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Số 32/158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, HN                                      |                                                             |                                                                               | Em dâu            |
| 3              | Nguyễn Minh Sơn                                           | 006C009446                                                                                     | Trưởng ban<br>KTNB/Head of<br>Internal Audit      | 017075000068                                                                | 22/11/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria,<br>Phú La, Hà Đông, Hà Nội | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 3.1            | Nguyễn Minh Biếc                                          |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất)    |
| 3.2            | Nguyễn Thị Lại                                            |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất)    |
| 3.3            | Nguyễn Văn Hùng                                           |                                                                                                |                                                   | 113295478                                                                   | 12/07/2007                                                                                  | CA Hòa Bình                                                                                         | Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội                                               |                                                             |                                                                               | Bố vợ             |
| 3.4            | Bùi Thị Lý                                                |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Xóm 1, Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội                                               |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ             |
| 3.5            | Nguyễn Ngọc Hải                                           |                                                                                                |                                                   | 012281284                                                                   | 26/02/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội                                               |                                                             |                                                                               | Anh ruột          |
| 3.6            | Nông Thị Mai                                              |                                                                                                |                                                   | 011490190                                                                   | 26/02/2001                                                                                  | CA Hà Nội                                                                                           | SN 113, H3, TXN, T.Xuân, Hà Nội                                               |                                                             |                                                                               | Chị dâu           |
| 3.7            | Nguyễn Thị Hòa                                            |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                     |                                                             |                                                                               | Chị ruột          |
| 3.8            | Trịnh Đức Vượng                                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                     |                                                             |                                                                               | Anh rể            |
| 3.9            | Nguyễn Ngọc Thanh                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Anh ruột (đã mất) |
| 3.10           | Trần Thị Ngoan                                            |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                     |                                                             |                                                                               | Chị dâu           |
| 3.11           | Nguyễn Thanh Kỳ                                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | Tổ 3, Quỳnh Lâm, Hòa Bình                                                     |                                                             |                                                                               | Anh ruột          |
| 3.12           | Nguyễn Thị Trang                                          |                                                                                                |                                                   | 001184012220                                                                | 25/02/2016                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria,<br>Phú La, Hà Đông, Hà Nội |                                                             |                                                                               | Vợ                |
| 3.13           | Nguyễn Minh Quỳnh Như                                     |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria,<br>Phú La, Hà Đông, Hà Nội |                                                             |                                                                               | Con ruột          |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                 | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                                                               | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 3.14           | Nguyễn Quang Vinh                                         |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     | P2402, V1, CT9, TDP 11, Tòa nhà Văn Phú, Victoria,<br>Phú La, Hà Đông, Hà Nội |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4              | Nguyễn Đăng Vinh                                          |                                                                                                | Thư ký, Người<br>PTQT Công<br>ty/Secretary,<br>Corporate<br>Governance<br>Officer | 027076012742                                                                | 25/6/2024                                                                                   | Cục cảnh sát                                                                                        | Chung cư One18, ngõ 298 Ngọc lâm, Long Biên, Hà<br>Nội                        | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 4.1            | Nguyễn Đăng Quyền                                         |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                                                                               |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất) |
| 4.2            | Lương Thị Thức                                            |                                                                                                |                                                                                   | 027134001523                                                                | 20/06/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 4.3            | Phạm Minh Hải                                             |                                                                                                |                                                                                   | 001176017416                                                                | 04/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                                        |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 4.4            | Nguyễn Đăng Anh                                           |                                                                                                |                                                                                   | 001203005483                                                                | 27/04/2021                                                                                  | Cục cảnh sát                                                                                        | Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                                        |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.5            | Nguyễn Đăng Thái Anh                                      |                                                                                                |                                                                                   | 001209000998                                                                | 08/12/2023                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Tổ 15, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                                        |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.6            | Nguyễn Đăng Hành                                          |                                                                                                |                                                                                   | 027055004662                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Anh trai       |
| 4.7            | Phạm Thị Vân                                              |                                                                                                |                                                                                   | 027161005069                                                                | 09/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 4.8            | Nguyễn Thị Chính                                          |                                                                                                |                                                                                   | 027157004782                                                                | 25/06/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.9            | Phạm Đức Lịch                                             |                                                                                                |                                                                                   | 027058005089                                                                | 28/06/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.10           | Nguyễn Thị Tính                                           |                                                                                                |                                                                                   | 027162004833                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.11           | Đỗ Văn Khách                                              |                                                                                                |                                                                                   | 027060007892                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.12           | Nguyễn Đăng Thông                                         |                                                                                                |                                                                                   | 027065000284                                                                | 26/10/2022                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | 116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ<br>Chí Minh                 |                                                             |                                                                               | Anh trai       |
| 4.13           | Nguyễn Thị Hương                                          |                                                                                                |                                                                                   |                                                                             |                                                                                             | Cục Cảnh sát                                                                                        | 116/14 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, Tân Bình, TP Hồ<br>Chí Minh                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 4.14           | Nguyễn Thị Thao                                           |                                                                                                |                                                                                   | 027168009640                                                                | 12/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh                                              |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.15           | Bùi Bá Hóa                                                |                                                                                                |                                                                                   | 027063009719                                                                | 12/08/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Đạo Sử, Lương Tài, Bắc Ninh                                              |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.16           | Nguyễn Thị Thao                                           |                                                                                                |                                                                                   | 027171007680                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh                                            |                                                             |                                                                               | Chị gái        |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá<br>nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address                    | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 4.17           | Trần Hữu Cường                                            |                                                                                                |                                                   | 027064008066                                                                | 15/10/2024                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.18           | Nguyễn Thị Mây                                            |                                                                                                |                                                   | 027174010176                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.19           | Nguyễn Văn Dương                                          |                                                                                                |                                                   | 027070006674                                                                | 10/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Kim Thao, Lương Tài, Bắc Ninh |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.20           | Phạm Văn Tông                                             |                                                                                                |                                                   | 001052006238                                                                | 04/05/2021                                                                                  | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội     |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 4.21           | Nguyễn Thị Phương Mai                                     |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             | Cục Cảnh sát                                                                                        | Thôn Xuân Dục, Gia Lâm, Hà Nội     |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ (đã mất) |

**PHỤ LỤC VIII.1/APPENDIX VIII.1**

**DANH SÁCH VỀ NCLQ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CỦA NCLQ CỦA CÔNG TY VỚI CHÍNH CÔNG TY/LIST OF RELATED PERSONS OF PUBLIC COMPANY AND TRANSACTIONS OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY WITH THE COMPANY ITSELF**

Danh sách NNB và NCLQ của NNB/The list of internal persons and their affiliated persons/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company  | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note                       |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1              | 2                                                      | 3                                                                                              | 4                                                  | 5                                                                           | 6                                                                                           | 7                                                                                                   | 8               | 9                                                           | 10                                                                            | 11                                 |
| <b>I</b>       | <b>Hội đồng quản trị</b>                               |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               |                                    |
| <b>1</b>       | <b>Bùi Quang Bách</b>                                  |                                                                                                | <b>Chủ tịch<br/>HĐQT/Chairman of<br/>the Board</b> |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | <b>0</b>                                                    | <b>0%</b>                                                                     |                                    |
| 1.1            | Bùi Viết Quỳnh                                         |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ                              |
| 1.2            | Nguyễn Thị Mẫn                                         |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ                              |
| 1.3            | Nguyễn Thị Thu Hà                                      |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ                                 |
| 1.4            | Bùi Hà Chi                                             |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con gái                            |
| 1.5            | Bùi Hoàng Nam                                          |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai                           |
| 1.6            | Bùi Quỳnh Vân                                          |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em gái                             |
| 1.7            | Trương Ngọc Minh                                       |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em rể                              |
| 1.8            | Nguyễn Thế Phong                                       |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ                              |
| 1.9            | Nguyễn Thị Mỹ                                          |                                                                                                |                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ (đã mất)                     |
| 1.10           | CTCP Chứng khoán Quốc gia                              |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 513,000                                                     | 0.45%                                                                         | TV HĐQT                            |
| 1.11           | CTCP SAM Holdings                                      |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | TV HĐQT độc lập,<br>Kiêm TV UBKTNB |
| 1.12           | CTCP Bất động sản Capella                              |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                            |
| 1.13           | CTCP TASCO                                             |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                            |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                            |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note              |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 2              | Phương Xuân Thụy                                       | 052C123363                                                                                     | TV HĐQT/Board<br>Member                           |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                           |
| 2.1            | Phương Xuân Thịnh                                      |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ                     |
| 2.2            | Nguyễn Thị Lan                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ                     |
| 2.3            | Phương Thừa Vũ                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột                  |
| 2.4            | Phương Quốc Vĩnh                                       |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột                  |
| 2.5            | Lê Thị Như Mai                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu                   |
| 2.6            | Phương Minh Huệ                                        |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị ruột                  |
| 2.7            | Nguyễn Bá Cảnh                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể                    |
| 2.8            | Đỗ Thị Ngọc Hà                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ                        |
| 2.9            | Phương Minh Thái                                       |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con đẻ                    |
| 2.10           | Phương Đỗ Thái Dương                                   |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con đẻ                    |
| 2.11           | Đỗ Ngọc Dũng                                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ                     |
| 2.12           | Phạm Thị Huệ                                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ                     |
| 2.13           | Công ty CP Đầu tư Infinity Group                       |                                                                                                | Chủ tịch<br>HĐQT/Chairman of the<br>Board         |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chủ tịch HĐQT kiêm<br>TGD |
| 2.14           | CTCP SACOM Tuyền Lâm                                   |                                                                                                | Chủ tịch<br>HĐQT/Chairman of the<br>Board         |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chủ tịch HĐQT             |
| 2.15           | CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                   |
| 2.16           | CTCP SAM Holdings                                      |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Phó Chủ tịch HĐQT         |
| 2.17           | CTCP Công viên nước Dầm Sen                            |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | TV HĐQT                   |
| 3              | Đỗ Lê Minh                                             |                                                                                                | TV HĐQT/Board<br>Member                           |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                           |
| 3.1            | Đỗ Văn Bích                                            |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất)            |
| 3.2            | Lê Thị Lan                                             |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ                     |



| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                                      | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note      |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 3.3            | Phương Hữu Việt                                        |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chồng             |
| 3.4            | Phương Hồng Minh                                       |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 3.5            | Phương Quốc Bình                                       |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Còn nhỏ           |
| 3.6            | Phương Việt Linh                                       |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Còn nhỏ           |
| 3.7            | Đỗ Minh Ngọc                                           |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị ruột          |
| 3.8            | Phương Xuân Hòa                                        |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố chồng (đã mất) |
| 3.9            | Lương Thị Bến                                          |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ chồng (đã mất) |
| 4              | Trần Như Trung                                         |                                                                                                | TV. HĐQT kiêm TGD<br>Công ty/Board<br>Member and<br>concurrently General<br>Director of the<br>Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 4.1            | Trần Đình Việ                                          |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ             |
| 4.2            | Đặng Hồng Thuyền                                       |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất)    |
| 4.3            | Trần Bạch Giang                                        |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ             |
| 4.4            | Nguyễn Thị Tính                                        |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ             |
| 4.5            | Trần Anh Hoa                                           |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái           |
| 4.6            | Võ Thanh Quỳnh                                         |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể            |
| 4.7            | Trần An Lộc                                            |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái           |
| 4.8            | Lê Hồng Quang                                          |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể            |
| 4.9            | Trần Như Dũng                                          |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em trai           |
| 4.10           | Nguyễn Thị Châu                                        |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em dâu            |
| 4.11           | Trần Hồng Việt                                         | 105C525511                                                                                     |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ                |
| 4.12           | Trần Hoàng Nam                                         | 1048145                                                                                        |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em vợ             |
| 4.13           | Trần Hoàng Khánh Linh                                  |                                                                                                |                                                                                                        |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con gái           |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                                                 | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note  |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 4.14           | Trần Việt Anh                                          |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai      |
| 5              | Nguyễn Việt Cường                                      | 058C153366                                                                                     | TV. HĐQT kiêm Phó<br>TGD Công ty/Board<br>Member and<br>concurrently Deputy<br>General Director of<br>the Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |               |
| 5.1            | Nguyễn Văn Cưu                                         | -                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ         |
| 5.2            | Nguyễn Thị Húng                                        | -                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ         |
| 5.3            | Trịnh Thanh Hằng                                       | 058C566983                                                                                     |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ            |
| 5.4            | Nguyễn Hà Vy                                           | -                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con gái       |
| 5.5            | Nguyễn Việt Bách                                       | -                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai      |
| 5.6            | Nguyễn Kim Cát Tiên                                    |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con gái       |
| 5.7            | Nguyễn Thị An Huy                                      |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái       |
| 5.8            | Nguyễn Văn Bảo                                         |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể        |
| 5.9            | Nguyễn Thị Thanh Hường                                 |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái       |
| 5.10           | Lê Minh Anh                                            |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể        |
| 5.11           | Nguyễn Đức Quang                                       |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em trai       |
| 5.12           | Cao Thị Kim Thành                                      |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em dâu        |
| 5.13           | Trịnh Hữu Thêm                                         | -                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ         |
| 5.14           | Nguyễn Thanh Huyền                                     | 058C191168                                                                                     |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ         |
| 5.15           | CTCP SJ Dịch vụ                                        |                                                                                                | Chủ tịch HĐQT                                                                                                     |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chủ tịch HĐQT |
| 5.16           | CTCP SUDICO Hòa Bình                                   |                                                                                                | TV HĐQT                                                                                                           |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | TV HĐQT       |
| <b>II</b>      | <b>Ban Tổng giám đốc</b>                               |                                                                                                |                                                                                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               |               |
| 1              | Trần Như Trung (như mục I)                             |                                                                                                | TGD Công<br>ty/General Director of<br>the Company                                                                 |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               |               |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company    | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 2              | Nguyễn Việt Cường (như mục I)                          |                                                                                                | Phó TGD/Deputy<br>General Director of<br>the Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               |                |
| 3              | Trần Oanh                                              |                                                                                                | Phó TGD/Deputy<br>General Director of<br>the Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 3.1            | Trần Văn Hoạch                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 3.2            | Nguyễn Thị Thành                                       |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 3.3            | Cao Thế Tâm                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ (đã mất) |
| 3.4            | Nguyễn Thị Oanh                                        |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 3.5            | Cao Thị Thu Anh                                        |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 3.6            | Trần Tuấn Linh                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 3.7            | Trần Bảo Anh                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con gái        |
| 3.8            | Trần Tuấn Minh                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 3.9            | Trần Thị Lan                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 3.10           | Cao Hồng Giang                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 3.11           | Trần Thị Thanh Huệ                                     |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em gái         |
| 3.12           | Nguyễn Tiến Dũng                                       | 002C082880<br>Sân SBC                                                                          |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em rể          |
| 4              | Nguyễn Trần Dũng                                       |                                                                                                | Phó TGD/Deputy<br>General Director of<br>the Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 4.1            | Nguyễn Minh Trí                                        |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 4.2            | Trần Thị Hội                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất) |
| 4.3            | Hồ Quang An                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố Vợ          |
| 4.4            | Vũ Thị Hoa                                             |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 4.5            | Hồ Thu Hằng                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 4.6            | Nguyễn Hồ Quỳnh Anh                                    |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.7            | Nguyễn Hồ Đức                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |



| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company    | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 4.8            | Nguyễn Trần Tuệ                                        |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột       |
| 4.9            | Bùi Thị Thu Thủy                                       |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 4.10           | Nguyễn Trung Linh                                      |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em ruột        |
| 5              | Nguyễn Công Chính                                      | 030C361080                                                                                     | Phó TGB/Deputy<br>General Director of<br>the Company |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 52                                                          | 0.0000%                                                                       |                |
| 5.1            | Nguyễn Văn Ruệ                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 5.2            | Phạm Thị Hoa                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất) |
| 5.3            | Tô Đình Khuê                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố Vợ          |
| 5.4            | Hoàng Thị Loan                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 5.5            | Tô Thị Phương                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 5.6            | Nguyễn Phương Chính                                    |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 5.7            | Nguyễn Nam Khánh                                       |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 5.8            | Nguyễn Đức Thiện                                       |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột       |
| 5.9            | Trần Thị Hoài                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 5.10           | Nguyễn Thị Thanh Mừng                                  |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em ruột        |
| 5.11           | Phạm Quốc Trị                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em rể          |
| III            | Ban kiểm soát                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               |                |
| 1              | Lê Thị Thùy                                            |                                                                                                | Trưởng BKS/Head of<br>Corporate Control<br>Board     |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 1.1            | Lê Đức Tuấn                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 1.2            | Nguyễn Thị Lụa                                         |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 1.3            | An Đăng Tuyển                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố chồng       |
| 1.4            | Bùi Thị Nhân                                           |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ chồng       |
| 1.5            | An Đăng Quyền                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chồng          |
| 1.6            | Lê Anh Dũng                                            |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột       |
| 1.7            | Cao Thị Hoàng Lý                                       |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 1.8            | An Đăng Quang                                          |                                                                                                |                                                      |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                  | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note      |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1.9            | An Hoàng Quân                                          |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2              | Trần Thị Thanh Huyền                                   |                                                                                                | Thành viên<br>BKS/Member of the<br>company's board of<br>directors |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 2.1            | Trần Văn Toàn                                          |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ             |
| 2.2            | Nguyễn Thị Thanh                                       |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ             |
| 2.3            | Lê Đình Điền                                           |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố chồng (đã mất) |
| 2.4            | Đình Thị Nén                                           |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ chồng (đã mất) |
| 2.5            | Lê Minh Thắng                                          |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chồng             |
| 2.6            | Lê Trần Ngọc Minh                                      |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.7            | Lê Huyền Linh                                          |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.8            | Lê Trần Liên Hoa                                       |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.9            | Trần Thanh Hương                                       | 003C126169                                                                                     |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em ruột           |
| 2.10           | Phạm Đức Long                                          | 003C131416                                                                                     |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em rể             |
| 3              | Nguyễn Thu Hiền                                        |                                                                                                | Thành viên<br>BKS/Member of the<br>company's board of<br>directors |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 3.1            | Nguyễn Đức Chiến                                       |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ             |
| 3.2            | Nguyễn Thị Huân                                        |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ             |
| 3.3            | Nguyễn Thị Thảo Linh                                   |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em ruột           |
| 3.4            | Nguyễn Đức Hùng                                        |                                                                                                |                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em ruột           |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual              | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                                                                  | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNDKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NDKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNDKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NDKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNDKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| IV             | Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban KTNB, Thư ký Công ty |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               |                |
| 1              | Nguyễn Hải Ninh                                                     |                                                                                                | Giám đốc Tài chính,<br>Người được ủy quyền<br>CBTT/Chief<br>Financial Officer,<br>Authorized Disclosure<br>Officer |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                |
| 1.1            | Nguyễn Văn Nghiên                                                   |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất) |
| 1.2            | Phạm Thị Hiền                                                       |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 1.3            | Trần Huy Thiện                                                      |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 1.4            | Phạm Thị Hòa                                                        |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ          |
| 1.5            | Nguyễn Hải Nam                                                      |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em trai        |
| 1.6            | Đào Minh Hường                                                      |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em dâu         |
| 1.7            | Trần Thị Thanh Hiền                                                 |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 1.8            | Trần Thị Quỳnh Anh                                                  |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em vợ          |
| 1.9            | Nguyễn Trần Trung                                                   |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 1.10           | Nguyễn Trần Minh Quân                                               |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con trai       |
| 2              | Trần Việt Dũng                                                      | 052C105020                                                                                     | Kế toán trưởng/Chief<br>Accountant                                                                                 |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 3,912                                                       | 0.003%                                                                        |                |
| 2.1            | Trần Văn Chính                                                      |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ          |
| 2.2            | Nghiêm Đức Hạnh                                                     |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 2.3            | Trần Chu Thịnh                                                      |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 2.4            | Nguyễn Thị Minh                                                     |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ          |
| 2.5            | Trần Hoài Thu                                                       |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 2.6            | Trần Nhật Nam                                                       |                                                                                                |                                                                                                                    |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |

| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company                           | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note      |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 2.7            | Trần Minh Khôi                                         |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 2.8            | Trần Việt Phương                                       |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em ruột           |
| 2.9            | Lý Thái Hà                                             |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Em dâu            |
| 3              | Nguyễn Minh Sơn                                        | 006C009446                                                                                     | Trưởng ban<br>KTNB/Head of<br>Internal Audit                                |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 3.1            | Nguyễn Minh Biếc                                       |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất)    |
| 3.2            | Nguyễn Thị Lài                                         |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất)    |
| 3.3            | Nguyễn Văn Hùng                                        |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ             |
| 3.4            | Bùi Thị Lý                                             |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ Vợ             |
| 3.5            | Nguyễn Ngọc Hải                                        |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột          |
| 3.6            | Nông Thị Mai                                           |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu           |
| 3.7            | Nguyễn Thị Hòa                                         |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị ruột          |
| 3.8            | Trịnh Đức Vượng                                        |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể            |
| 3.9            | Nguyễn Ngọc Thanh                                      |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột (đã mất) |
| 3.10           | Trần Thị Ngoan                                         |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu           |
| 3.11           | Nguyễn Thanh Kỳ                                        |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh ruột          |
| 3.12           | Nguyễn Thị Trang                                       |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ                |
| 3.13           | Nguyễn Minh Quỳnh Như                                  |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 3.14           | Nguyễn Quang Vinh                                      |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột          |
| 4              | Nguyễn Đăng Vinh                                       |                                                                                                | Thư ký, Người PTQT<br>Công ty/Secretary,<br>Corporate<br>Governance Officer |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 | 0                                                           | 0%                                                                            |                   |
| 4.1            | Nguyễn Đăng Quyền                                      |                                                                                                |                                                                             |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố đẻ (đã mất)    |



| STT/s<br>tatus | Tên tổ chức/cá nhân/Name of<br>organization/individual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán (nếu<br>có)/Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại Công<br>ty/Position at the<br>Company | Số giấy CMND/<br>CCCD/HC/GCN<br>ĐKDNID card<br>number/ CCCD/<br>HC/ GCNĐKDN | Ngày cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Date of<br>issue of ID<br>card/CCCD/HC<br>/GCNĐKDN | Nơi cấp<br>CMND/<br>CCCD/HC/GC<br>NĐKDN/Place<br>of issuance of<br>ID card/<br>CCCD/ HC/<br>GCNĐKDN | Địa chỉ/Address | Số lượng sở<br>hữu cuối<br>kỳ/End of<br>period<br>ownership | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ/End of period<br>share ownership<br>ratio | Ghi chú/Note   |
|----------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 4.2            | Lương Thị Thức                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ đẻ          |
| 4.3            | Phạm Minh Hải                                          |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Vợ             |
| 4.4            | Nguyễn Đăng Anh                                        |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.5            | Nguyễn Đăng Thái Anh                                   |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Con ruột       |
| 4.6            | Nguyễn Đăng Hành                                       |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh trai       |
| 4.7            | Phạm Thị Vân                                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 4.8            | Nguyễn Thị Chính                                       |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.9            | Phạm Đức Lịch                                          |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.10           | Nguyễn Thị Tính                                        |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.11           | Đỗ Văn Khách                                           |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.12           | Nguyễn Đăng Thông                                      |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh trai       |
| 4.13           | Nguyễn Thị Hương                                       |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị dâu        |
| 4.14           | Nguyễn Thị Thao                                        |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.15           | Bùi Bá Hóa                                             |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.16           | Nguyễn Thị Thọ                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.17           | Trần Hữu Cường                                         |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.18           | Nguyễn Thị Mỹ                                          |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Chị gái        |
| 4.19           | Nguyễn Văn Dương                                       |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Anh rể         |
| 4.20           | Phạm Văn Tòng                                          |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Bố vợ          |
| 4.21           | Nguyễn Thị Phương Mai                                  |                                                                                                |                                                   |                                                                             |                                                                                             |                                                                                                     |                 |                                                             |                                                                               | Mẹ vợ (đã mất) |

W2



**CÔNG TY CỔ PHẦN SJ GROUP/SJ GROUP JOINT STOCK COMPANY**

**PHỤ LỤC VIII.2/APPENDIX VIII.2**

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/TRADING IN SHARES BY INSIDERS AND RELATED PERSONS OF INSIDERS**

**GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY/TRADING BY INSIDERS AND RELATED PERSONS IN THE COMPANY'S SHARES**

*(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025/Attached is the Report on the Company's Governance for the First Half of 2025)*

| STT/<br>Status | Người thực hiện giao dịch/The person who makes the transaction | Quan hệ với người nội bộ/Insider Relations | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/Number of shares owned at the beginning of the period |                  | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period |                  | Lý do tăng, giảm/Reasons for increase and decrease |
|----------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------|
|                |                                                                |                                            | Số cổ phiếu/Number of shares                                                    | Tỷ lệ/Proportion | Số cổ phiếu/Number of shares                                               | Tỷ lệ/Proportion |                                                    |
| 1              | Đỗ Văn Bình                                                    | TV HĐQT/Board Member                       | 8,970,000                                                                       | 7.81%            | 0                                                                          | 0%               | Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân               |
| 2              | Nguyễn Phú Cường                                               | TV HĐQT/Board Member                       | 690,000                                                                         | 0.60%            | 0                                                                          | 0%               | Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân               |
|                |                                                                |                                            |                                                                                 |                  |                                                                            |                  |                                                    |
|                |                                                                |                                            |                                                                                 |                  |                                                                            |                  |                                                    |
|                |                                                                |                                            |                                                                                 |                  |                                                                            |                  |                                                    |

**Ghi chú:**

Tại thời điểm 30/6/2025 ông Đỗ Văn Bình và ông Nguyễn Phú Cường không còn là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty do hết nhiệm kỳ

W2